HUYỀN TÁN
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 2

PHẦN CUỐI

- Chánh kinh: "Bấy giờ ngài Di-lặc... mà có điềm lành này."

- Huyền tán: Đoạn văn thứ sáu nói đại chúng hiện tiền muốn nghe pháp thành tựu, đoạn văn này có ba:

1. Di-lặc thị hiện sự hoài nghi.

2. Mọi người thật sanh tâm nghi ngờ.

3. Nêu hai ý của ngài Từ Thị, phát hỏi: Nhân trước đạo hạnh của ngài Từ Thị đầy đủ nên làm chủ. Do đó thành tựu ở hiện đời, gặp được nhân duyên tốt đẹp. Chẳng là thấy ánh sáng mà không biết, quán Đẳng trì mà không rõ hay sao? Nhưng Bồ-tát lại thị hiện tướng không biết để thưa hỏi mà cảnh tỉnh chúng sanh. Cho nên nói: Di-lặc thị hiện tướng hoài nghi. Vì căn địa của mọi người cạn thấp, không lường biết được các điềm lành của bậc Đại thánh, nhìn thấy tướng ngoài vì sanh nghi nên nói mọi người thật sanh tâm nghi hoặc. Ngài Di-lặc hiệp hai ý tự, tha mà hỏi ngài Văn-thù. Nêu dẫn nguyên nhân trước nên làm đoạn thứ ba, trong phần đầu có bốn:

1. Nói điềm lành nêu dẫn nhân gì?

2. Nêu sự kỳ lạ hỏi đáp.

3. Nêu công thượng đức.

4. Hạ mình mới trình bày.

Đây là đoạn văn đầu.

Diệu dụng vô phương gọi là thần. Thần thông chuyển khác gọi là biến. Bên ngoài ứng với các sự vật, đặt tên là điềm lành. Điềm lành tức là niềm tin, là phù hợp với ứng. Đây hỏi phát ra ánh sáng có phù hợp với ứng gì, do đó mà nói nhân này để hỏi.

- Kinh: "Nay Đức Thế tôn cho đến ai có thể đáp".

- Huyền tán: Đây nêu sự kỳ lạ này hỏi ai, ai đáp.

Nói thuận theo vào uy nghi trụ để làm nguyên nhân hỏi. Nhập Tam muội, lý sâu của Tam muội, gọi là Bất khả tư nghì, làm mưa hoa rung chuyển mặt đất nên nói hiện ra việc ít có.

Hiện ra các việc mưa hoa, động địa, phát ra ánh sáng, chiếu soi từ xa, ngoài ứng với căn cơ sự vật đều gọi là thần biến, tức thuộc về thuật lại điềm lành nêu dẫn nguyên nhân. Chỉ nhập vào Tam muội nên gọi là việc ít có.

Ai có thể đáp: Là hỏi thăm xem ai là người đáp.

- Kinh: "Lại nghĩ cho đến ta nay nên hỏi."

- Huyền tán: Nêu các vị có công đức trên hết như Văn-thù-sư-lợi...

Nay ta nên hỏi đó là tự khiêm nhưng rồi mới trình bày. Đạo quả của ngài Văn-thù-sư-lợi thành tựu đã lâu rồi. Ở đây thị hiện ra nhân cuối nối tiếp ngôi vị Pháp vương của Phật, chỉ còn Ngài được gọi là Pháp vương tử. Vì Ngài đã từng gần gũi gặp được nhiều duyên tốt, cúng dường Chư Phật, trồng sâu gốc đức. Tiến tài tiến hạnh gọi là cúng dường. Văn-thù-sư-lợi trụ vào y thứ tư, cúng dường tám Hằng sa Phật. Cùng ba y trước hợp thành hai mươi sáu Hằng hà sa Phật, chắc chắn thấy tướng ít có này. Ngài Di-lặc tự khiêm tốn nói nay ta nên hỏi. Luận chép:

Hỏi ở một người mà nhiều người muốn nghe, sanh tâm ít có. Cho nên chỉ hỏi Văn-thù-sư-lợi. Tâm chúng sanh phần nhiều chưa hiểu nên xuất phát nhiều người nghi, người hiểu chẳng nhiều nên đáp chỉ có một người.

Luận chép: Thị hiện Phật và đệ tử cùng nhau thuận theo, pháp chứng thuyết... đều không trái nhau vì hiện ra nhân tướng lớn. Tướng lớn là nói diệu pháp. Nhân nghĩa là thần biến. Nay hiện ra điềm lành làm nhân của thuyết. Lại tướng lớn đó tức là hiện ra điềm lành. Điềm lành tức là nhân pháp sở thuyết làm nhân. Lại nhân là nguyên nhân.

Hỏi: Hiện ra các nguyên nhân tướng lớn thần biến, vì sao chỉ hỏi ngài Văn-thù mà không hỏi người khác?

Đáp: Có hai pháp nên nêu ngài Văn-thù:

1. Hiện thấy các pháp, Văn-thù chứng biết được các pháp.

2. Lìa các nhân duyên mà tự tâm thành tựu pháp kia. Nghĩa là Văn-thù-sư-lợi lìa hết các mô phỏng và xa hết sự so sánh và các nhân duyên nghe từ người, cho nên nêu ngài. Chỉ cho biết hiện các điềm lành là chỉ cho chúng biết hiện ra các việc kia kia. Vì việc không phải một

nên nói kia. Như việc ấy hiện ra chìm đắm trụ diệt, thấy chúng sanh trong sáu đường hiện tại chìm đắm trong sanh tử kia gọi là hiện tại chìm đắm, thấy Phật pháp, bốn chúng, cùng chư Bồ-tát. Hiện tại trụ ở kia nên gọi là hiện trụ. Thấy Phật nhập Niết-bàn, và xây tháp thờ. Hiện tại nhập Niết-bàn, nên gọi là hiện diệt, thấy bảy việc mà đều thu nhiếp hết. Trụ chính là hiện tại, diệt không chìm đắm. Nhập Niết-bàn và việc xây tháp thờ gọi là diệt sự chìm đắm. Năm việc còn lại gọi là hiện trụ.

Luận cho rằng ngài Văn-thù có thể ghi nhận việc kia, nên mới hỏi Ngài. Văn-thù-sư-lợi đã tạo tác thành tựu, mà các nhân quả thành tựu, đó được tạo tác các pháp sở tu, có hai thứ:

1. Phước đức.

2. Trí tuệ: Tức nội đức đều đầy đủ, nhân thành tựu là Nhất thiết trí thành tựu, duyên các việc phát ra ánh sáng, mưa hoa, động đất, tức ngoại đức đầy đủ, giải thích lại nhân là tướng. Nghĩa là hiện ra các điềm lành này là nhân. Quả đó gọi là Đại pháp. Ngoài nhân Văn-thù đã đầy đủ, nội đức lại viên tròn. Cho nên biết Phật cũng nói quả pháp diệu , do đó suy ra mà hỏi.

- Kinh: "Bấy giờ Tỳ-kheo... đến.... Nay nên hỏi ai."

- Huyền tán: Mọi người thật sự sanh tâm nghi ngờ, là vì Phật phóng ánh sáng, nói lại nhân duyên phát ra ánh sáng. Tướng thần thông, trong oai nghi lại có mưa hoa động đất. Tướng ngoài mọi người đều thấy, cho nên nói lại việc đó sanh ra nghi. Phật nhập định mọi người chẳng biết cho nên không hỏi. Vì những căn cơ, người, địa vị ở bậc hạ không thể lường thể biết được sự nhập định của Phật. Đã không biết Phật nhập định nào, cũng như dựa vào đâu để sanh nghi, cho nên không hỏi việc này.

- Kinh: "Bấy giờ ngài Di-lặc... Văn-thù-sư-lợi nói."

- Tán là: Đoạn thứ ba dưới cùng nêu hai ý, là nguyên nhân trước hỏi. Đây có hai phần:

1. Văn xuôi.

2. Trùng tụng.

Văn xuôi có hai: Phần đầu này cùng trình bày hai ý.

- Chánh kinh: "Vì nhân duyên gì... cõi nước trang nghiêm."

- Huyền tán: Phần sau nêu nguyên nhân, trước khi hỏi, mà có phần nói chung về điềm lành này. Tướng thần thông là nói trong oai nghi của Phật có mưa hoa, động địa phát ra ánh sáng v.v... là nói nguyên nhân. Ngài Di-lặc vì mình và người nên hỏi. Thấy ngoại tướng mà cùng đồng như thế. Chỉ nói lại điềm lành để sanh chứng mà không hỏi nhập

định. Ngoại nhân không nghi ngờ việc nhập định, nên Tụng dưới cũng không nói nhập định.

Đều thấy cõi Phật kia trang nghiêm: Trong luận thì giải thích tổng quát ý kinh nói: Cõi nước của các Phật đó, là chỉ cho biết hiện có các pháp khác nhau trong cõi kia. Thị hiện để hóa độ bốn chúng, chúng sanh sáu đường. Hiện ra cõi uế và cõi nước tịnh diệu, không có trụ xứ chúng sanh phiền não. Vì hóa độ các Bồ-tát Thập địa mà hiện ra cõi Tịnh độ. Ở cõi Tịnh kia là bậc thượng thủ, tức là các Bồ-tát dựa vào Phật mà trụ. Phật tự tại ở trong hai cõi Tịnh và uế. Nói lại văn trước, nên trong phần chỗ thấy trước nói Phật là bậc thượng thủ. Phàm có trùng tụng thuật lại vì có mười lý do:

1. Hai căn lợi độn.
2. Hai chúng trước sau.
3. Hai thứ vui thẳng, và không thẳng.
4. Hai giải thích khó dễ.
5. Hai tùy chân tục.
6. Hai phần giữ, bỏ. (Văn xuôi giữ thiện, tụng văn xả ác).
7. Hai quy tắc nêu ra và giải thích. (Văn xuôi nêu ra, văn tụng giải thích.)
8. Trí, biện sai khác. (Văn xuôi nói trí vô tận, văn tụng biện minh vô tận).
9. Giải trì sai khác (Văn xuôi là pháp giải, văn tụng là pháp trì).
10. Thuyết hành lưỡng biệt (Văn xuôi vui cho người nói, văn Tụng vui cho người hành trì).

Tụng mười điều này như sau:

Lợi độn và trước sau
Thẳng cong khó chân tục
Lấy bỏ và nêu thích
Trí biện giải thuyết hành.

Văn xuôi và Trùng tụng có sáu nghĩa không đồng:

Rộng lược hoặc có không
Hợp ly và trước sau
Văn chất và ẩn hiện
Cong thẳng khác nhau.

Cho đến văn dưới mỗi việc sẽ nói rõ.

- Chánh kinh: "Bấy giờ, ngài Di-lặc cho đến ánh sáng rực rỡ cùng chiếu".

- Huyền tán: Tiếng Phạm là Già-đà, Hán dịch là Tụng. Tụng là

Mỹ là Ca, ở trong văn tụng câu văn dùng mỹ từ, trau chuốt nên nói Ca Tụng. Lược dịch kệ là không đúng. Kệ này là tụng cầu lửa, nếu hướng đến giải thích thể nghĩa, thì kém hơn danh cú, hoặc làm nương tựa thì không bằng văn cú âm thanh, nên trong trăm pháp không lập riêng. Nhưng ở trên âm thanh lấy nghĩa xoay vần làm thể, tức danh cú văn lại không có tánh riêng không giống bài tụng Tiểu thừa thì nương vào văn và văn sĩ. Đây chính là tụng trong ba mươi hai chữ Thất-lư-ca. Gồm có sáu mươi hai bài tụng chia làm hai:

Năm mươi bốn bài tụng các điềm lành, ở trước; tám bài tụng sau, phần chánh hỏi.

Trong phần đầu lại có ba: Một hàng đầu nói nhân phát ra ánh sáng chiếu soi trước khi tụng.

2. Ba bài tụng kế tụng trong uy nghi như mưa hoa, mặt đất rung chuyển.

3. Năm mươi bài tụng sau nói các cảnh chiếu sáng hiện ra ở trong nhân.

Đây nói về phần đầu. Tụng trước phát ra ánh sáng, tụng sau mưa hoa. Trong sáu sự bất đồng thì có trước sau bất đồng, do thuận tiện ở văn.

- Chánh kinh: Mưa hoa Mạn-đà-la cho đến cõi đất đều trang nghiêm thanh tịnh."

- Huyền tán: Ba hàng tụng dưới, tụng ba việc trong oai nghi. Một hàng tụng rưỡi nói về rải hoa như mưa. Nửa hàng kế là tụng về động địa. Một hàng tụng bốn chúng vui mừng. Đây tụng rải hoa như mưa, không tụng nhập định vì tự biết không hỏi, chúng cũng không nghi.

Phần Văn xuôi nói về bốn loại hoa, tụng này có hai vì hợp lý không đồng, hoa này là hương chiên-đàn, khi gió thổi thì tựa như hương xích bạch đàn bay rất xa người nghe vui sanh lòng vui mừng, "mặt đất thảy đều trang nghiêm thanh tịnh," cũng như phần Văn xuôi nói không khác nhau.

- Kinh: "Mà thế giới này cho đến được điều không hề có."

- Huyền tán: Hai câu tụng đầu tụng về động đất. Một hàng tụng sau tụng bốn chúng vui mừng.

- Kinh: "Từ giữa hai đầu chân mày phóng ra ánh ánh sáng cho trên đến trời Hữu đảnh.

- Huyền tán: Năm mươi bài tụng dưới là nói về chiếu cảnh, giới hạn chỗ thấy, ở đây chia làm hai:

1. Một hàng rưỡi tụng về chiếu cảnh.

2. Bốn mươi tám hàng rưỡi sau là tụng về chỗ thấy. Đây là tụng khí thế giới, tức là chiếu cảnh . "Đều như màu vàng ròng," hiển bày nghĩa đáng tôn trọng. Ánh sáng chỉ sắc trắng tiêu biểu Nhất thừa là căn bản. Chỗ chiếu sắc vàng tiêu biểu Nhất thừa đáng tôn trọng. Hoặc thị hiện tướng cõi tịnh của các cõi Phật, khiến làm nhân ngoại quả của Nhất thừa, cho nên nói như sắc vàng. Trong phần tụng dưới, nên biết trong tụng ngài Văn-thù ở dưới cũng hiện ra cõi Tịnh, hoặc sợi lông giữa hai đầu chân mày tuy trắng mà ánh sáng thì màu vàng.

- Kinh: "Trong các thế giới... ở đây đều thấy."

- Huyền tán: Bốn mươi tám hàng rưỡi tụng thấy sáu việc. Không tụng việc nhập diệt. Đây văn chia ra làm sáu:

1. Một hàng rưỡi tụng chúng sanh sáu đường.

2. Nửa hàng kế là tụng về thấy Phật.

3. Sáu hàng rưỡi tiếp tụng về việc nghe pháp.

4. Một hàng rưỡi tụng về bốn chúng.

5. Ba mươi mốt hàng kế tụng về hành đạo Bồ-tát. Bảy hàng tụng sau tụng sau khi Phật diệt độ thì khởi xây tháp.

Phần một: Nói chúng sanh ở trong thế gian đầy đủ các phiền não sai khác sanh tử là tổng nêu chung hoặc, nghiệp, khổ. Nơi hướng đến là khác nhau tức là quả sáu đường, hoặc quả của nơi hướng đến thể là sanh tử. Vì nghiệp, phiền não, giả hợp là hữu tình tức chủ thể (năng) hướng đến. Cho nên kinh tự giải thích: "Nghiệp duyên lành và dữ, chịu báo có tốt xấu. Chịu báu tốt xấu là quả nơi hướng đến. Nghiệp duyên thiện ác làm nhân năng hướng đến. Do thiện nghiệp làm nhân dị thục, các nghiệp tham, sân, si làm nhuận duyên mà thọ báo tốt ở trời người. Trời người là quả báo tốt, nơi chúng sanh làm thiện hướng về. Do ác nghiệp làm dị thục nhân, các nghiệp tham làm nhuận duyên nên thọ tổng báo trong ba đường ác. Ba đường ác là báo chung xấu nơi chúng sanh làm ác hướng về, gọi là nơi hướng đến, ở đây đều thấy. Trung hữu, nghiệp phiền não gọi là chủ thể hướng đến. Ngoại khí thế gian là công cụ giúp để hướng đến, trong dị thục quả gọi là nơi hướng đến. Như có bài tụng rằng:

Thú về rừng rậm
Chim về hư không
Thánh về Niết-bàn
Pháp về phân biệt.

Tức lấy nơi trở về làm nơi hướng đến.

Giả hợp thành hữu tình vì đường thiện ác là nơi sanh tử hướng đến.

Trong luận nói đầy đủ sự thanh tịnh khác nhau, tức là số đủ loại.

Phần hai: Kinh: "Lại thấy Chư Phật, Thánh chủ, sư tử."

- Huyền tán: Nửa hàng tụng này nói thấy Phật. Sư tử chỉ cho Thánh chúa. Thánh chúa chính là Chư Phật, là câu dưới để giải thích câu trên. Tự tại vô úy nên gọi là sư tử. Thấu suốt chân tục gọi là Thánh chúa. Chúa của Thánh chúng tức là Chư Phật.

Phần ba: Chánh kinh: "Giảng nói kinh điển... đến Phật đạo thanh tịnh."

- Huyền tán: Sáu hàng tụng rưỡi này tụng về nghe pháp. Đoạn này chia làm hai:

1. Ba hàng rưỡi tụng về nghe bốn biện.

2. Ba hàng tụng sau nghe pháp ba thừa.

- Ba hàng rưỡi đầu gồm: Nửa hàng đầu nghe nghĩa vô ngại. Một hàng kế nghe pháp vô ngại. Một hàng tụng nghe từ vô ngại. Một hàng tụng nghe biện tài vô ngại. Nghĩa sâu nên gọi là mầu nhiệm. Thượng thừa gọi là đệ nhất nghĩa vô ngại giải. Dạy lìa cấu nhiễm gọi là thanh tịnh. Khéo thuận tâm người gọi là nhu nhuyễn, là pháp vô ngại giải . Khế lý gọi là sâu mầu ứng cơ gọi là thích nghe. Diệu thuận theo các phương gọi là "đều ở thế giới mình", là từ vô ngại giải vậy. Dùng các loại nhân duyên "là đạo lý của pháp. Dùng vô lượng dụ để thí dụ. Về pháp dụ đều khai lược có hai nghĩa:

1. Để soi rõ Phật pháp.

2. Khai ngộ chúng sanh là biện tài vô ngại giải.

- Ba hàng sau, Chánh Kinh: "Như người gặp khổ cho đến... nói cho nghe tịnh đạo".

- Huyền tán: Đây là tụng nghe ba thừa: Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, như thứ lớp nêu ra ba hàng tụng:

Phần bốn: Chánh Kinh: "Văn-thù-sư-lợi cho đến nay sẽ nói lược ra."

- Huyền tán: Một hàng tụng nói về thấy bốn chúng, nhân kết phần trước nói thấy bốn chúng kia tu hành đắc đạo các tướng trạng rất nhiều. "Thấy nghe dường thế đó" là kết phần trước thấy. "Và nghìn ức việc khác" là thấy bốn chúng. Nay kinh này chánh tông nói về nhất thừa. Không thể nêu ra đầy đủ sự hành trì của bốn chúng khác, là nói chúng số nhiều. "Nay tôi nói lược ra" trên nói Thanh văn, phần dưới nói Bồ-tát. Tức sự khác nhau giữa của các thừa.

Phần năm: Chánh kinh: "Tôi thấy cõi kia... cho đến cầu Phật đạo."

- Huyền tán: Ba mươi mốt hàng rưỡi tụng hành Bồ-tát đạo, chia làm ba đoạn. Một hàng tụng đầu tụng về các pháp nhân duyên. Kế mười bảy hàng tụng về tướng mạo. Mười ba hàng rưỡi sau tụng về tín giải. Trong phần Văn xuôi trước đem nội hành ngoại duyên mà nói thứ bậc từ phàm đến Thánh. Nay trước tiên tụng ngoại duyên, sau nói về tự hành. Tự hành thì lấy sự hơn kém làm trước sau. Tướng mạo đó là tạp tu hữu lậu, Thập địa vô lậu, Thứ lớp tu sáu Ba-la-mật. Tín hiểu chỉ tu hữu lậu. Nếu loạn tu thì không phải thứ lớp. Hơn kém đã khác nên phân biệt có trước sau. Nhưng tu lục độ lược có ba vị. Kiến đạo từ sơ kiếp về trước, ở trong nhất hành chỉ tu một hạnh, loạn tu hữu lậu tức là tín hiểu này. Từ sơ địa đến mãn thất địa tu tất cả hạnh trong nhất hạnh trong kiếp thứ hai. Cả hai pháp hữu lậu vô lậu đều là tạp tu. Từ Bát địa đến mãn Thập địa tu tất cả hạnh trong tất cả hạnh ở kiếp thứ ba thuần tu vô lậu. Tu hai kiếp sau tức là tướng mạo này. Kinh Thập địa nói: Sơ địa hành bố thí... cho đến Thập địa tu Trí độ, với các độ khác tùy lực tùy phần mà chẳng có độ nào không tu tập. Thế nên tướng mạo ở đây tức là Thập địa tu. Có thứ lớp cho nên hành trì rộng lớn. Tín hiểu tức là từ kiến đạo về trước, sự hành trì không hơn cho nên nói loạn tu là nghĩa nhân duyên ở tụng này.

Hằng sa Bồ-tát: Tiếng Phạm là Căng-già, dịch lược là Hằng, là không đúng, là tên một vị thần sông. Trong kinh thường dùng Hằng hà sa làm thí dụ. Từ ao Vô Nhiệt não chảy ra bốn con sông lớn. Đây là một trong bốn con sông lớn đó.

1. Là do ở đây cát nhiều.

2. Là người đời cùng cho nước này là phước, xuống đó tắm gội tội lỗi diệt hết, bất tử sanh lên trời.

3. Là dù trải qua kiếp hoại mà tên gọi vẫn thường định.

4. Phật nhiều lần đến bên bờ sông này giảng nói pháp mầu.

5. Mọi người cùng tin theo nên thường lấy đây làm thí dụ. Nhưng chỉ lấy nơi bắt nguồn từ cửa khẩu vuông vức bốn mươi dặm cát, lấy đó làm dụ.

Đoạn hai: Chánh kinh: "Hoặc có người hành thí... cho đến cầu trí tuệ Phật."

- Huyền tán: Mười bảy hàng tụng về tướng mạo, trong đây chia làm hai:

1. Mười lăm hàng đầu tụng về pháp lục độ.

2. Hai hàng tụng tu tập viên thành hai lợi ích.

Hai hàng tụng sau là nói tám thứ gió bất động, ba tâm bi cứu

chúng sanh.

Trong tụng lục độ chia ra làm sáu: Sáu hàng tụng về thí. Kế đến là hai hàng tụng về giới. Kế là một hàng tụng nhẫn. Kế là một hàng tụng về cần. Kế là hai hàng tụng về định. Phần sau là ba hàng về tuệ. Phần thí có ba: Bốn hàng đầu nói ngoại tài, một hàng kế nói nội tài, ngoại tài, một ngoại tài sau nói nội tài.

Trong bốn nội tài,ngoại tài: Thí bảy báu, bát trân, thí thành tựu độ, thí tạp vật.

Trong bảy báu thì:

1. Là vàng, trong văn nói vàng có năm mầu, màu vàng là chính.

2. Bạc.

3. San hô là đá có màu hồng nhẹ, vân giống hình cây.

4. Chân châu tức xích chân châu. Luận Phật Địa chép: Màu đỏ từ trùng xuất ra. Hoặc thể châu màu đỏ nên gọi là xích trân châu.

5. Ma-ni: Như ý thần châu. Không phải lưu ly nên chai châu này có hai.

6. Xa cừ: Tiếng Phạm là Mâu-sa-lạc-yết-bà, chính giữa màu trắng xanh.

7. Mã não: Tiếng Phạm là Át-thấp-ma-yết-bà, Hán dịch là chữ Tạng. Hoặc dịch Thai tạng, có nghĩa là bền chắc. Màu như mã não, do đây mà đặt tên. Vì là loại báu nên đặt tên từ chữ ngọc.

Hoặc như loại đá nên dùng thạch đặt tên. Bảy báu này không đồng tùy theo địa phương xem trọng. Kế tụng nói về tám trân:

1. Kim Cương.

2. Chư trân, thuộc loại đế thanh đại thanh.

3. Nô: thời xưa các tội nhân làm nô dịch cho quan, vào hàng thấp kém cũng là nô.

4. Tỳ: nữ nô gọi là tỳ.

5. Xe: là gọi chung các loại xe. Do Hạ-hầu-thì hề trọng làm ra. xưa âm là cư. Nói hành cho nên ở người. Nay là nhà xe. Nói hành là nơi ở như nhà.

6. Thừa: Theo lễ nhà Chu, thì Thừa, nghĩa là có thể chuyên chở, là các loại xe ngựa, voi.

7. Xe kéo trang hoàng vật báu , có người phu kéo ở trước.

Thời xưa bậc khanh đại phu đều đi xe này. Từ đời Hán về sau, thiên tử mới đi xe. Cho nên xe của vua, hoàng hậu gọi là liễn (xe kéo). Dùng tám báu trang sức, thuyết văn gọi là xe hưng.

Lại xe không bánh thì gọi là Hưng. Thừa là chuyên chở.

Dùng các thứ báu trang sức nên gọi là bảo sức.

Kế một hàng tụng nói bố thí thành tựu độ. Trong Thành Duy thức chép: Đầy đủ bảy nhiếp thọ mới thành ra tướng độ, thiếu một thì không thành, ứng với bài tụng chép:

An trụ và y chỉ
Ý lạc và sự nghiệp
Công xảo hướng thanh tịnh
Độ thành do bảy này.

Trong đây chỉ nêu một để hướng về đạo Bồ-đề. Sáu pháp khác theo đây có thể biết. "Nguyện đắc Nhất Phật thừa, bậc nhất trong ba cõi tức là ý hồi hướng.

Một hàng tụng về tạp vật: Gọi Tứ âm Tức người xưa dùng bốn ngựa kéo một xe có thể chạy theo? Phòng dùng bốn ngựa kéo gọi là thiên tứ, nên nay người bắt chước. Xưa Hoàng đế cùng vua Xí-vưu chiến đấu ở đồng Trác lộc, thường có mây kim chi ngọc diệp năm mầu che phía trên vua có hình bông hoa, do đây mà làm ra lọng bằng hoa. Y theo vào thật lý mà giải thích: Ở bên Tây vực khí hậu nóng, người ta phần nhiều cầm dù để trang sức gọi là sức. Màn che trên xe gọi là hiển. Xe bốn ngựa ở bên có lan can, trên có lọng hoa, che màn trang sức, dùng để bố thí.

Trên bốn hàng nói về ngoại tài, kế một hàng nói về nội ngoại tài. Tự thân gọi là nội tài. Vợ con là ngoại tài. Kế một hàng chỉ có nội tài đem bố thí mà lòng vui mừng. Bố thí có năm tướng: Là dốc lòng và tín tâm, tùy thời, tự tay bố thí, như pháp hành trì, xả vật. Đó gọi là năm loại bố thí, tức là thứ tư trong bảy nhiếp thọ, sự nghiệp không nên thí cũng có năm: Bất tịnh và não hại chúng sanh không nên thí cũng như các vật làm hoại tịnh tâm của người. Như vậy thì trong năm tướng đều như pháp mà thí. Thí có năm lợi: Là thân gần, thường thích thấy , tôn kính, được tiếng tốt. Lại làm nhân về sau nên gọi là lợi của sự thí thiện. Những việc trên đây đều như kinh phát tâm Bồ-đề có nói. Trong pháp thí này nên khởi ra bốn trí.

1. Nếu có của cải mà tâm không thích thí thì khởi lên trí giác ngộ.

2. Không của cải mà tâm không thích thí thì khởi lên nhẫn khởi thí.

3. Có của cải tâm ý vui vẻ mà không thích thí thì khởi lên tri đảo trí.

4. Ưa quả thế gian mà hành thí thì khởi lên bất kiên trí. Thí để

không còn tham và để người kia khởi lên ba nghiệp làm tánh, như trong Bồ-tát địa có nói.

- Kinh: "Văn-thù-sư-lợi cho đến mà mặc pháp phục".

- Huyền tán: Đây là hai hàng tụng về giới.

Giới có ba loại:

1. Giới luật nghi tức giới bảy chúng đều thọ trì.

2. Nhiếp thiện pháp giới. Là tu tất cả thiện pháp của ba thừa.

3. Nhiêu ích hữu tình giới: Tức lợi ích chúng hữu tình muôn hạnh tam nghiệp.

Kinh Thắng-man nói: Pháp Tỳ-ni-ba-la-đề-mộc-xoa, người xuất gia thọ cụ túc giới vì đó mà nói Đại thừa.

Trong Bồ-tát địa chép: Giới luật nghi đó là xả bỏ ngôi vị Luân vương như bỏ lá cỏ để xuất gia thọ giới cụ túc, đều gọi là giới luật nghi. Cho nên điều ở đây nói chính là luật nghi vậy. Cần phải có giới luật nghi làm căn bản thì mới có hai giới sau. Nếu phá luật nghi thì ba giới đều xả. Thế nên trong bốn pháp Ba-la-di đều là giới luật nghi. Đây nói đầu tiên xuất gia rồi mới thọ giới cụ túc. Do đây mà đầu tiên nói về giới luật nghi. Có bổn nói phi pháp phục là mặc pháp phục. Âm phi nghĩa trái lại bày ra giữ gìn. Địa phương nói phi là tán. Nay thì gọi là bị pháp phục. Bị có nghĩa là da bên ngoài! Pháp phục nghĩa là mang, đeo nên là âm (vị) Sự xuất gia rộng lớn dụ như hư không. Ở tại gia chật hẹp như địa ngục. Cho nên nói người xuất gia trì giới có năm điều lợi:

1) Phật Mười phương che chở.

2) Khi chết tâm vui vẻ.

3) Được người trì giới làm bạn thân.

4) Công đức tròm đầy.

5) Đời đời thường đắc giới thành tựu tánh giới.

Luận Trí độ chép: Giới là cái bình đức, đây là lợi thứ tư.

Tụng:

Che chở khi chết vui.
Bạn giới công đức đầy
Sanh thường giới thành tánh
Đó là năm loại giới.

- Chánh kinh: "Hoặc thấy Bồ-tát... thích tụng kinh điển".

- Huyền tán: Đây là một hàng tụng về nhẫn: Đại Tụng kinh điển suy nghĩ pháp nghĩa quán đế pháp nhẫn, nêu điều khó nói riêng là nhiếp cả hai nhẫn là nhẫn chịu đựng oán hại, an thọ khổ nhẫn.

- Kinh: "Lại thấy Bồ-tát... cho đến... suy nghĩ Phật đạo".

- Huyền tán: Đây là một hàng tụng về chuyên cần. Ở đây có cả hai pháp nhiếp thiện và mặc pháp phục. Lược không có chúng sanh tinh tấn lợi lạc. Tinh tấn có năm: Là mặc giáp, gia hạnh, không dưới, không thoái, không đủ tức có thế lực, có chuyên cần, có dõng lực, bền chắc, không bỏ pháp thiện mà trong kinh nói. Đầu tiên phát khởi tâm dõng mạnh lợi lạc gọi là mặc giáp. Kế là khởi tâm bền chắc mạnh mẽ thì mới gọi là gia hành. Kế đến là chứng đắc chẳng tự khinh mình, cũng không yếu hèn thì gọi là không dưới. Kế là có thể chịu đựng các khổ nóng lạnh, với việc thiện kém... không sanh tâm vui đủ gọi là không thoái. Kế đến là có thể chứng nhập vào các đế hiện quán..., thích cầu công đức trội hơn về sau, gọi là không đủ. Người Nhị thừa rốt ráo vui nơi đại đạo Bồ-đề. Chư Phật rốt ráo vui nơi lợi lạc chúng sanh. Cho nên tên gọi đầu tiên là mặc giáp. Bốn nghĩa sau gọi là nhiếp thiện. Trong đây hợp lại gọi là mạnh mẽ tinh tấn.

- Chánh kinh: "Thấy ly dục... cho đến... khen ngợi các bậc Pháp vương".

- Huyền tán: Đây là hai hàng tụng định, lìa chỗ ồn náo thường ở nơi trống vắng. Do an trú nơi tĩnh lặng, suy nghĩ nên tu thiền định sâu, dẫn phát tĩnh lự, cho nên đắc ngũ thần thông. Do sự tĩnh lự, đã làm xong nên khen ngợi các bậc Pháp vương. Cả ba pháp này do lìa dục mà có.

- Kinh: "Lại thấy Bồ-tát cho đến nghe rồi đều thọ trì."

- Huyền tán: Một hàng tụng về tuệ, tức gia hạnh trí. Vì diệu đạt thật tướng cho nên trí tuệ sâu xa. Âm nhạc không hoại nên chí bền chắc.

Lại suy nghĩ xa xôi cho nên trí sâu, không thôi nghỉ nên chí bền chắc. Lại thêm công thưa hỏi, nghe đều có thể trì.

- Chánh kinh: "Lại thấy Phật tử cho đến mà đánh lên trống pháp".

- Huyền tán: "Đây là hai hàng tụng về hai trí. Định tuệ đầy đủ là đắc hai trí viên mãn (căn bản trí, hậu đắc trí). Trong hậu đắc trí dùng thí dụ để giảng pháp. Giảng pháp có bốn ý:

1. Vui thích nói pháp.
2. Hóa độ các Bồ-tát mà không hóa độ người Nhị thừa.
3. Phá trừ mười ma.
4. Đánh trống pháp. Đánh trống pháp là bỏ quyền bày thật.

Ma-la dịch là phá hoại, gọi tắt là Ma. Ba-tỳ-dạ hán dịch là ác, Hán dịch âm Ba tuần là sai. Trong Tạp tạng, Phật nói ma quân có mười, nay làm Tụng rằng:

Dục ưu sầu, đói khát.
Ái, ngủ nghỉ, lo sợ
Nghi, độc và danh lợi
Tự cao khinh mạn kia.
Ma quân là như thế
Tất cả không thể phá
Trí ta tên dao định
Phá bình ném xuống nước.

Hoặc dùng chánh trí để kích chân như, dùng hậu trí để kích tục lý. Nói pháp phát ra âm hưởng, khiến cho chúng được nghe. Nhưng bố thí chỉ nói lợi tha, tuệ có cả hai lợi. Trong đây sáu độ này đều có đủ hai lợi. Trong bốn pháp chỉ nói tự lợi, lược không nói lợi tha. Thật ra chẳng phải không có.

- Chánh kinh: "Lại thấy Bồ-tát cho đến... không cho là vui".

- Huyền tán: Hai hàng tụng dưới nói về tám thứ gió thổi bất động ba tâm bi tiếp vật.

Tám thứ gió bất động này, chữ yên âm là yên, nghĩa là an là nghỉ. Có thuyết nói là Yến. Yến nhàn, cũng có nghĩa là yên lặng.

Tám thứ gió:

1. Lợi.
2. Xuy.
3. Hủy.
4. Dự (tiếng khen).
5. Xưng.
6. Cơ (chê).
7. Khổ.
8. Là lạc.

Nay ở đây chỉ nêu có bốn. Sanh hỷ, được tiền tài, danh vị lợi lộc. Được khen ngợi trước mặt gọi là dự (vui) khen sau lưng thì gọi là xưng. Thích vui gọi là lạc. Trong bốn pháp này Bồ-tát không lấy đó làm vui. Nói cung kính là nghĩa thông suốt.

Dịch bốn điều: Xuy, dự, cơ, khổ cũng là không sanh ưu, thân tâm tịch nhiên, ngôn ngữ tịch lặng lìa xa tám thứ gió, như trong kinh Du-già phẩm thứ hai có giải.

- Kinh: "Lại thấy Bồ-tát cho đến khiến nhập vào Phật đạo".

- Huyền tán: Đây là tụng ba tâm bi tiếp vật. Bi nghĩa là cứu khổ, hữu tình duyên thì bi duyên hữu tình khởi. Hành thì có nhiều loại. Sanh thì cũng vô cùng, chỉ nêu một hạng cứu chúng sanh khổ nặng. Cho nên

nói: Phát ra ánh sáng cứu khổ ở cõi địa ngục. Hai tâm bi còn lại là pháp và vô duyên bi y theo đây cũng thành tựu. Phần dưới sẽ nói đầy đủ rõ ràng.

- Kinh: "Lại thấy Phật tử cho đến cần cầu Phật đạo".

- Huyền tán: Mười ba hàng rưỡi tụng về sự hành đạo của tín hiểu hàng địa tiền phàm phu.

Lục độ loạn tu tức là sáu.

Một hàng tụng về cần.
Một hàng tụng về giới.
Một hàng rưỡi tụng về nhẫn.
Hai hàng tụng về định.
Năm hàng tụng về thí.
Ba hàng tụng về tuệ.

Ăn uống, đúng lượng, ít ngủ nghỉ. Đầu hôm gần sáng giác ngộ pháp Du-già là cần tức siêng năng.

Kinh Di giáo cũng nói: Đầu hôm gần sáng cũng chớ phế bỏ, nửa đêm tụng kinh để tự tiêu dứt phiền não. Không vì nhân duyên ngủ nghỉ, để một đời trôi qua mà không được gì.

Từng thử nghĩa là tạm lấy. Nay không tạm lấy nên nói là không hề. Kinh hành trong rừng, ở bên Tây vực đất ẩm thấp, phải chồng gạch lên làm đường đi, nghỉ ngơi, ăn uống, tụng kinh, như dệt lụa con thoi qua lại, nên gọi là kinh hành. Đây là để sách tấn khuyên tu bốn chánh đoạn là: Đối với pháp ác bất thiện đã sanh tu luật nghi dứt, pháp bất thiện ác chưa sanh, tu đoạn dứt. Pháp thiện đã sanh, tu phòng hộ dứt. Đối với pháp thiện chưa sanh thì tu tập dứt, để cầu Phật đạo. Cho nên, trong kinh Hoa nghiêm nói:

Phật tử khéo lắng nghe
Ta nói nghĩa như thật
Hoặc là mau ra khỏi
Hoặc là khó giải thoát.
Nếu muốn cầu trừ diệt
Vô lượng các tội ác
Nên trong bất cứ lúc nào
Mạnh mẽ đại tinh tấn.
Cũng như chút ít lửa
Củi ướt thì làm tắt
Ở trong giáo Phật pháp
Biếng nhác cũng như vậy.

Cũng như người dùi lửa
Chưa đỏ đã vội nghỉ
Thế lửa liền theo mất
Biếng nhác cũng như vậy.
Cũng như ngọc tắt lửa
Lìa duyên mà tìm lửa
Thì không bao giờ được
Biếng nhác cũng như vậy.
Cũng như mặt trời sáng
Nhắm mắt cầu thấy sắc
Đối với giáo pháp Phật
Biếng nhác cũng như vậy.

Do tâm phát tinh tấn ban đầu là hơn hết. Tin là chỗ nương của dục. Dục là chỗ nương của tinh tấn. Cho nên ở đây chỉ lấy tinh tấn làm đầu. Tín là dục y. Dục là tinh tấn y. Ở đây lấy tinh tấn làm đầu. Trong Thập tín tâm thì sau Tín là tinh tấn.

- Kinh: "Thấy người đủ giới cho đến để vì cầu Phật đạo".

- Huyền tán: Đây là một hàng tụng về giới. Ba nghiệp oai nghi thường không thiếu bớt. Chớ khinh điều lỗi nhỏ cho là không hại, giọt nước tuy nhỏ mà dần đầy chậu lớn, nên thấy sợ sâu xa và hổ thẹn. Tịnh như hạt ngọc báu:

1. Trong ngoài không có dấu vết.
2. Giới đức đầy đủ viên mãn.
3. Uy quang chiếu sáng .
4. Mọi người đều yêu mến.

Do đây mà hột nga châu bị buộc vào cỏ, xả bỏ thân, nhạn rơi biết trước việc, rồng sanh dưới cây y lan. Bình tùy theo ý muốn, cho nên phải lấy luật nghi làm gốc.

- Kinh: "Lại thấy Phật tử cho đến vì cầu Phật đạo".

- Huyền tán: Một hàng rưỡi tụng về chịu đựng sự oán hại. Được ít cho là nhiều gọi là Tăng thượng mạn. Cậy vào dòng họ, sắc lực, thông minh, giàu có, đạo đức, tiếng tăm hơn người tỏ ra khinh mạn đánh mắng. Bồ-tát dùng năm thứ quán có thể nhẫn cả.

1. Tưởng thân thuộc.
2. Tưởng chỉ có pháp.
3. Tưởng có khổ.
4. Tưởng vô thường.
5. Tưởng nhiếp thọ.

Bài tụng:

Nên quán kẻ hại kia
Thân thuộc, chỉ có pháp
Có khổ và vô thường
Nhiếp thọ cho nên nhẫn.

Trên đây là nêu sơ lược, đồng thời rộng như trong U tán, sợ dài dòng nên không thuật lại.

- Kinh: "Lại thấy Bồ-tát cho đến vì cầu Phật đạo".

- Huyền tán: Đây là hai hàng tụng về định. Có bốn điều xa lìa:

1. Hý: Các hí luận phân biệt.

2. Sất: Là lời đùa giỡn.

3. Lìa sự ngu si.

4. Lìa quyến thuộc xấu ác.

Không lìa thì có hai:

1. Trái với điều xa lìa thứ tư tức gần gũi duyên lành.

2. Nhất tâm trừ loạn, trái với ba điều trước. Cho nên trong kinh Di giáo chép: "Các Tỳ-kheo! Nên xa lìa nơi ồn ào, ở riêng chỗ vắng lặng suy nghĩ dứt trừ căn bản khổ, nếu thích ở chốn đông người, thì bị các khổ não.

- Chánh kinh: "Hoặc thấy Bồ-tát cho đến cầu Vô thượng đạo".

- Huyền tán: Đây là năm hàng tụng về thí. Chia làm ba: Ba hàng đầu tụng nói về thí tứ sự. Một hàng tụng kế là thí thượng diệu. Một hàng cuối là ý lạc thí.

Tứ sự: Ẩm thực, thuốc thang, y phục, ngọa cụ. Chữ Hào không phải ngũ cốc mà ăn, các loại rau quả ngon làm thức ăn.

Thiện có nghĩa là ăn đầy đủ. Nay các thứ vật ngon cũng gọi là trân thiện. Thế tục giải thích hào thiện là ăn thịt. Nay cho là không đúng. Bồ-tát thiết lễ cúng dường Phật thì gọi là thiện.

Chiên-đàn cũng gọi là Ngưu đầu chiên-đàn. Hắc là loại chiên-đàn màu tía. Bạch là chiên-đàn màu trắng. Trong thượng diệu thí thì cúng dường cha mẹ bệnh, Pháp sư, Bồ-tát thân cuối cùng. Nếu cúng dường cho người chưa chứng quả Thánh thì thí quả cũng vô lượng.

Lại nói: Nếu giữ giới đầy đủ tuy có già yếu mà có thể giảng nói lợi lạc cho nhiều người, như cúng dường Phật, bậc Đại sư, thọ lời nói thiện thì cũng tương tợ như vậy.

Vườn rừng đẹp thanh tịnh thì: Trong lạc thí có sáu ý:

1. Rộng lớn.

2. Không nhàm chán.

3. Vui mừng.
4. Ân đức.
5. Vô nhiễm.
6. Tốt lành.

Trong Tụng có ba:

1. Vui mừng.
2. Không nhàm chán.
3. Tốt lành.

Tức là cầu Vô thượng đạo. Trước nói cúng dường tứ sự tức là nghĩa rộng lớn. Mang ân nghĩa trước kia nên gọi là ân đức thí. Ba thời không hối hận, không bị nhiễm tạp nên gọi là vô nhiễm thí. Thực ẩm thí đủ cả pháp thực, không rơi vào kiếp nạn đói khát; đem y dược thí đầy đủ pháp dược không bị các bệnh; thí y phục được y bảy báu, đầy đủ tức nhu hòa thiện thuận. Đầy đủ hổ thẹn, đem thí ngọa cụ nên đầy đủ trợ duyên, sanh vào nhà từ bi vắng lặng. Đem vườn rừng thí nên trụ vào vườn giác Tổng trì, và được rừng pháp vô lậu, thí hoa được bảy giác, thí quả mà đắc bốn Thánh quả, ao tắm thí nên được ao bát giải xả cấu.

- Kinh: "Hoặc có Bồ-tát cho đến cầu đạo Vô thượng."

- Huyền tán: Đây là ba hàng tụng tuệ. Một hàng đầu là hậu đắc trí, vì pháp thí vô tận. Kinh Ca-diếp nói: "Như hằng sa thế giới ở trong đó đầy đủ châu báu, thí cho các Như lai, không bằng đem pháp thí. Thí vật báu tuy phước nhiều nhưng không bằng một pháp thí. Một bài kệ phước còn thù thắng huống chi là nhiều. Thật khó nghĩ bàn.

Kế nói một hàng về trí chứng vô tướng, hai tướng là phân biệt , không có hai tướng tức là pháp môn không hai ở các kinh khác. Như ba hàng kia giống như nói nghĩa không hai. Ở Địa tiền học tạo hữu tướng vô tướng, lợi tha tự lợi, tức hành Nhị trí. Một gia hạnh sau là cầu chánh đạo.

Giáo Âm là chỉ dạy chỉ bảo.

Chiếu Âm tức chỉ bảo dẫn dắt. Vì tối tăm mà thành tựu việc, tức phạm sai lầm, dùng giáo chỉ rõ khiến cho rõ có thể hiểu. Lại có bản ghi là Giáo chiêu. Chữ giáo không có âm bình. Chữ chiêu nghĩa là dụ tiến (khuyên dụ tiến lên).

Chánh Kinh: "Văn-thù-sư-lợi cho đến bông kia đang xòe nở".

- Huyền tán: Đoạn thứ sáu có bảy hàng tụng, về sự xây tháp. Đoạn này có hai:

Một hàng đầu tụng cúng dường xá-lợi. Sáu hàng tụng sau nói về xây tháp cúng dường.

Sáu hàng sau phân ba: Ba hàng tụng đầu trang nghiêm việc xây tháp. Một hàng tiếp tụng về tám bộ cúng dường. Hai hàng tụng sau nói sự thù thắng xây tháp.

Lại bảy hàng tụng này cũng chia làm hai: Năm hàng đầu tụng phần Văn xuôi trên. Hai hàng sau tụng kết sự xây tháp cao quý. Phần một lại chia làm hai: Bốn hàng tụng đầu là Bồ tát cúng dường. Một hàng sau là tám bộ cúng dường. Bồ tát cúng dường cũng có hai:

1. Một hàng tụng cúng dường xá-lợi.

2. Ba hàng tụng sau là xây tháp.

Y theo văn tụng này thì Văn xuôi nói về cúng dường xá-lợi, xây tháp bảy báu.

- Kinh: "Lại thấy Phật tử cho đến linh báu hòa vang."

- Huyền tán: Đây ba hàng tụng về xây tháp. Một tụng về số, một tụng về lượng, một tụng về nghiêm sức.

Trong Bồ-tát địa chép: Như sau khi Phật diệt, xây một hay nhiều tháp cúng dường, sẽ được quả phước đức vô lượng. Được đại phước Phạm trong vô số đại kiếp không đọa vào đường ác, cũng đạt được tư lương của Vô thượng Bồ-đề.

Tiếng Phạm là Du-thiện-na có nghĩa là hạn lượng, Hán dịch âm do-tuần là sai.

Trong Câu-xá luận chép:

Cực nhỏ, nhỏ, vàng, nước
Thỏ, dê, trâu, khích trần
Chấy, rận, lúa, lóng tay
Mỗi sau tăng bảy lần.
Hai (mươi) bốn khủyu tay
Bốn khủyu một cung lượng
Năm trăm câu-lư-xá
Tám du-thiện-na này.

Đây là hơn mười sáu dặm, nếu theo kinh khác là bốn mươi dặm. Chữ túng âm là chiều dọc, chiều rộng. Xưa viết là Tùng. Trong thiết vận chỉ có ba chữ: Túng, Tung, Tũng, có bổn ghi chữ Tùng không biết xuất xứ từ đâu . Tục giải thích Nam Bắc gọi là tung. Đông Tây là hoành. Lộ có nghĩa là không che. Mạn nghĩa là che. Nói chỗ trang nghiêm hoặc lộ hoặc che. Trong phẩm Bảo tháp có giải thích đầy đủ. Đây nói lượng bảo tháp ở báo độ. Tức nhìn từ vị trí trên cao. Nếu không vậy, châu này há là đặt nhiêu tháp! Có chỗ nói Mạn mạc. Che ở bên gọi là Duy, trên gọi là mạc- Mạc là nghĩa che. Lộ đồng với úp lại mà bày ra.

Linh báu hòa vang là âm thanh điều hòa.

- Chánh kinh: "Chư Thiên, long thần cho đến thường vì cúng dường".

- Huyền tán: Đây nói cúng dường tám bộ.

- Kinh: Văn-thù-sư-lợi cho đến hoa khai nở.

- Huyền tán: Đây là hai hàng tụng kết xây tháp thù thắng. Do xây tháp mà cõi nước lạ đẹp. Tháp cao nghiêm có trang sức các thứ báu. Như cây thọ vương nở hoa ở vườn trời Đế-thích, uy nghiêm, tốt đẹp chẳng thể sánh ví chói sáng các rừng cây nên lấy đó làm thí dụ.

- Kinh: "Phật phóng một ánh sáng... chiếu vô lượng cõi nước".

- Huyền tán: Phần tụng lớn thứ hai có tám hàng. Chia hai: Bốn hàng tụng đầu nhắc lại điềm lạ để hỏi. Bốn hàng sau tụng nêu các sự thỉnh đáp. Phần một lại có hai: Hai hàng tụng đầu tụng lại hai việc xa gần. Hai hàng tụng sau nêu thấy hai sự mà hỏi. Hai tụng đầu tụng lại sự thấy gần, hàng tụng sau tụngsự thấy xa.

- Chánh kinh: "Chúng con thấy điều này... phóng ánh sáng".

- Huyền tán: Hai hàng tụng này nêu thấy hai việc. Hàng tụng đầu hỏi hai việc thấy của mình và chúng. Hàng tụng sau nêu các việc thấy kia. Ý nghi ngờ việc phát ra ánh sáng là gì? Người thấy vui vẻ hỏi, vì việc không hề có thấy, xin nhân giả đáp cho.

- Kinh: "Phật tử... giảng nói ánh sáng này".

- Huyền tán: Nêu việc thỉnh đáp, chia ra làm bốn: Một hàng đầu tụng ứng thời nêu thỉnh đáp. Hàng tụng kế nêu việc thỉnh đáp. Một hàng kế nêu việc rất lớn. Hàng tụng cuối chính là thỉnh ngài Văn-thù đáp.

- Bốn chúng vui mừng mong được nghe thắng đạo, xin quyếtnghi khiến hoan hỉ. Nay chính là đúng thời hễ người nói pháp thì phải hợp căn cơ.

- Kinh: "Phật ngồi tại Đạo tràng cho đến Đây chẳng phải duyên nhỏ".

- Huyền tán: Hàng tụng đầu nêu hai việc thỉnh đáp. Một là diệu pháp, hai là thọ ký. Hàng tụng tiếp nêu việc rất lớn. Thấy Phật và cõi Tịnh chẳng phải là duyên nhỏ.

- Kinh: "Văn-thù nên biết... cho đến vì nói các pháp nào?"

- Huyền tán: Chính là thỉnh ngài Văn- thù đáp: Chỉ nhìn thấy nhân giả, mong ngài sẽ trả lời. Trước hỏi đáp cùng nhìn nhau, đây chỉ nhìn một ngài Văn-thù mong giải quyết các điều nghi của chúng.

- Kinh: "Bấy giờ ngài Văn-thù... và các đại sĩ".

- Huyền tán: Phần thứ bảy ở dưới nêu lời đáp thành tựu của ngài

Văn-thù-sư-lợi. Luận chép: "Ngài Văn- thù dùng Túc mạng trí thấy mười thứ tướng nhân quả của quá khứ, như hiện ra trước mặt cho nên có thể đáp, chẳng phải là hư cấu, suy đoán trả lời.".

Luận chép: Tướng Nhân là ngài Văn-thù tự thấy thân mình tu hành các hạnh ở các cõi Phật kia. Nhân lúc ấy, thời nay là nhân hạnh Bồ-đề.

Tướng quả là tự thể sở y của quá khứ. Luận: Văn-thù tự thấy thân mình là Pháp sư Diệu Quang ở đời quá khứ. Đã nghe Đức Phật kia giảng nói pháp này. Nay nói lại cho chúng sanh nghe. Đó là quả quá khứ đời trước.

Quả là tự thể sở y, chẳng phải quả của nhân sở kiến. Nhân kia là quả vô lượng sanh nhân trong đời quá khứ. Phần lớn chia ra làm ba:

1. Nêu tên nói chung.

2. Chánh đáp lời đã nêu.

3. Có hai bài tụng nêu lời Phật nói.

Đây là phần đầu:

- Kinh: "Nầy người Thiện nam như ta suy nghĩ cho đến giảng nói nghĩa đại pháp ".

- Huyền tán: Chánh đáp lời đã hỏi. Nhưng nương vào luận bổn. Trong phần đáp này thành tựu mười việc:

- Thứ nhất: Nhân hiện thấy nghĩa đại, tức là đoạn văn này.

- Thứ hai: "Các người thiện nam, ta ở trong đời quá khứ... "là nhân hiện thấy văn tự chương cú ý nghĩa rất sâu.

- Thứ ba: "Chư thiện nam tử... như quá khứ vô lượng vô biên" nhân hiện thấy ít có.

- Thứ tư: "Lại có Phật cũng tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh..." nhân hiện thấy thắng diệu.

- Thứ năm: " Sau cùng lúc Phật chưa xuất gia... "là nhân hiện thấy việc thọ dụng đại.

- Thứ sáu: "Sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa". Nhân hiện thấy hiện ra nhân nhiếp lấy Chư Phật xoay bánh xe.

- Thứ bảy: Tám Vương tử của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều là pháp Sư. Từ Diệu Quang trở xuống là nhân hiện thấy pháp luân của Như lai là khéo chắc thật.

- Thứ tám: "Các vương tử cúng dường vô lượng..." là nhân hiện thấy khả năng tiến nhập.

- Thứ chín: Cuối cùng thành Phật, hiệu là Nhiên Đăng, là nhân

hiện thấy sự nhớ nghĩ.

- Thứ mười: "Di-lặc nên biết! Bấy giờ Bồ-tát Diệu Quang v.v..." là nhân hiện thấy tự thân các sự tuần hoàn. Nhân là nguyên nhân tức ngài Văn-thù dùng. Hiện lượng trí thấy các sự chứng minh đó là nhân, rồi đáp lời ngài Di-lặc cho nên nói là nhân. Hoặc mười việc này phần nhiều là đời trước làm, là nhân của bây giờ, cho nên gọi là nhân. Trong mười nhân này chia chung làm năm cặp :

Một là cặp nghĩa giáo.
Hai là cặp hy thắng .
Ba là cặp chuyển từ .
Bốn là cặp kiên tiến .
Năm là cặp tha tự .

Mười tướng này trong kinh thứ lớp nên biết. Trong đây chia chung thành bốn.

1) Chỉ rõ tướng thọ lượng để đáp.

2) Nêu việc xưa mà thành nay để đáp.

3) Chỉ bày các việc khác mà đáp.

4) Xưa nay tức nhau.

Hai tướng đầu, một tướng cuối như thứ lớp trong văn. Một tướng giữa là gồm bảy nhân nêu bày các việc khác nhau.

Nói chỉ rõ tướng thọ lượng để đáp:

Duy là suy nghĩ, là nghỉ, là mưu tính. Thốn là xét kỹ.

Luận gọi là nhân hiện thấy nghĩa đại thành tựu.

Nghĩa là nghĩa lý, là đối với nguyên nhân thành tựu tám thứ nghĩa lý đại.

Tám nghĩa đại, trong kinh có nói năm câu. Trong luận thì có tám câu. Nên nói muốn nói pháp lớn, tuôn mưa pháp vũ lớn, đánh trống pháp lớn, không đoạn trống pháp lớn, dựng cờ pháp lớn, đốt đuốc pháp lớn, thổi loa pháp lớn, giảng nghĩa pháp lớn. Trong luận phần thứ bảy mới nói bất đoạn đại pháp cổ. Nay lấy nghĩa suy ra cho nên nói phần thứ tư cũng không trái ngược luận nói nghi đó là dứt nghi. Tức muốn nói pháp lớn, muốn phá nghi trước trụ ở vị ngoại phàm khiến cho tiến tu. Đã đoạn nghi rồi thì làm cho trí thân thêm lớn thuần thục, tức rước mưa đại pháp. Trước trụ vào nội phàm mà không còn nghi ngờ. Thấm nhuần thiện nảy mầm khiến nhập Thánh vị mà muốn tăng thêm điều thiện. Ý của luận này trên dưới nối liền, nối tiếp khởi lên vì giải thích văn kinh, dưới đều y theo đây.

Luận nói: Căn thục: Là nói hai cảnh giới bí mật. Nghĩa là hai cảnh

giới bí mật của Thanh văn, và Bồ-tát. Có hai câu chỉ rõ tức đánh trống pháp lớn, không đoạn trống pháp lớn. Vì từ xa nghe nên lần lượt kết hợp lại. Tức là nay chia Thanh văn thừa xưa là cảnh giới quyền mật, chỉ rõ nay nói Bồ-tát thừa là cảnh giới thật mật gọi là hai cảnh giới mật. Khiến cho căn thuần thục đó là bỏ quyền giữ thật. Nên trong Luận chép: Nhập cảnh giới mật, là khiến cho tiến lên giữ lấy nghĩa thanh tịnh thượng thượng. Dựng cờ pháp lớn là lập ra diệu trí Bồ-đề rất cao xa. Cũng như đối với cờ lọng do biết quyền thật mà có bỏ có lấy. Hành hạnh Đại thừa, đắc trí Bồ-đề lìa hết chướng tịnh. Luận nói về nghĩa thượng thượng thanh tịnh tiến thủ, là tiến lấy tất cả trí hiện có. Đốt đèn pháp lớn là đã đắc chân trí kiến lập Bồ-đề. Vì chiếu soi chân cảnh nên chứng được Niết-bàn. Như đuốc chiếu sáng mọi vật.

Luận chép: Dùng tất cả trí hiện thấy là vì tất cả kiến lập danh tự, chương, cú, nghĩa. Thổi loa pháp lớn là đắc chân cảnh tức cần phải nói giáo nghĩa. Giáo giảng thích tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp kiến lập danh tự. Như thế gian lấy đây làm vui, từ quả vị ban đầu khó khăn, đến cuối cùng hoàn tất nên thổi loa lên. Nay quả vị đã viên mãn, vì người nói pháp thì cũng như vậy. Cho nên trong kinh Niết-bàn nói thổi lên là biết đến thời. Luận nói kiến lập nghĩa danh tự, chương cú là khiến cho nhập và bất khả thuyết, chứng trí xoay bánh xe. Giảng nói nghĩa pháp lớn, thuyết ở giáo đó là khiến cho, thích ứng độ nhập vào chứng trí, thành tựu xoay bánh xe, trừ hết phiền não. Trong tám câu này chia ra làm bốn cặp.

1) Cặp phá tiến thiện .

2) Cặp Khai quyền hiển thật .

3) Cặp Đắc trí chứng chân .

4) Cặp nói pháp lợi sanh .

Xoay vần như thế gọi là pháp luân, tự mình chứng quả, lại giúp cho chúng hữu tình chứng được chân trí của bậc Thánh, phá diệt phiền não. Luận đã đan xen tiếp nối giải thích rõ ý kinh, cho nên tướng này nương theo tướng kia đối để giải thích ý. Tìm hiểu lý do thì kinh có năm câu tức chỉ có hai cặp rưỡi. Có phá ác tiến thiện, nói pháp lợi sanh, khai quyền nhất môn, ngoài ra là hiển thật, đắc trí chứng chân. Văn đối đều thiếu, lại không theo thứ lớp, độc giả nên biết.

- Kinh: "Các người thiện nam cho đến liền nói pháp lớn".

- Huyền tán: Nhân hiện thấy thế gian nghe văn tự, chương cú ý rất sâu xa. Ở đây nói đại giáo nên giáo là danh tự, chương cú, hí luận của thế gian. Ý có nghĩa là ý so sánh, là lý do nói giáo. Tức là nêu việc xưa

thành đáp việc ngày nay. Văn này có ba:

1. Nêu quá khứ.

2. Kết thành việc ngày nay.

3. Giải thích ý, ở đây là phần một

- Kinh: "Vì thế nên biết cho đến cũng giống như thế."

- Huyền tán: Đây là phần kết thành tựu việc ngày nay.

- Kinh: "Muốn khiến chúng sanh cho đến nên hiện ra điềm lành này".

- Huyền tán: Đây giải thích ý đó. Phát ra ánh sáng là ý gì? Là muốn cho người nghe biết pháp khó tin. Xưa nói hai thừa chân thật, nay nói nhất thừa là thật để người xả bỏ những điều quá cũ và giữ cái mới bây giờ. Do đó mà nói khó tín. Không chỉ có lòng tin mới khó mà nghĩa lý cũng khó.

- Kinh: "Các người thiện nam cho đến a-tăng-kỳ kiếp".

- Huyền tán: Phần dưới này có tám nhân, chung lại thành hai văn:

1. Văn xuôi.

2. Kệ tụng.

Văn Văn xuôi chia làm hai:

1) Bảy nhân nêu ra bảy việc riêng mà trả lời.

2) Một nhân đáp việc xưa nay tức nhau.

Phần một lại chia làm ba:

1. Đáp khen ngợi việc ít có.

2. Một đáp sự thắng diệu về sau.

3. Năm phần dựa theo nêu việc đồng.

Đầu tiên khen ngợi việc ít có để đáp. Luận gọi là nhân hiện thấy ít có. Trong vô lượng thời không thể đắc, đây có bốn ý:

1. Khen ngợi việc lâu xa ít có.

2. Khen ngợi danh hiệu Phật ít có.

3. Khen ngợi việc thắng diệu ít có.

4. Khen ngợi đáp lợi ích chúng sanh ít có.

Ở đây nói ý thứ nhất.

Luận chép: Bất khả tư nghì bất khả xưng, bất khả lượng. Thị hiện trải qua a-tăng-kỳ kiếp cũng không thể đắc. Tiếng Phạm là a-tăng-xí-da, Hán dịch âm a-tăng-kỳ là sai, Hán dịch âm nghĩa là vô số.

Trong Câu-xá luận chép: Trong số năm mươi hai từ một đến mười cho đến cực số thì gọi là a-tăng-kỳ. Vốn là số sáu mươi, tám số kia bị thất truyền. Trong kinh Hoa nghiêm nói một trăm hai mươi số. Đây là

một trăm mười hai số.

Kiếp-lạp-ba gọi tắt là kiếp, Hán dịch là phân biệt. Nghĩa là phân biệt thời phần.

Bất khả tư nghì là cảnh vượt quá tình chấp. Bất khả xưng là vượt qua cảnh ngôn ngữ. Bất khả lượng là cảnh vượt qua tính lường thí dụ. Nay kinh gọi vô lượng đó là vượt qua sự tính toán thí dụ. Vô biên là quá thời phần. Bất tư nghì là quá phần tình chấp cũng đồng như Bát-nhã vượt qua bốn phần.

Trong Bồ-tát Địa nói kiếp có hai loại:

1. Số ngày đêm năm tháng.

2. A-tăng-kỳ kiếp.

Trong Du-già lại nói: Hoặc một lần tăng giảm là một kiếp. Nghĩa là trải qua các nạn đói khát bệnh dịch đao binh. Hoặc có hai mươi kiếp là một kiếp. Nghĩa là trời chúng có chỗ nói bốn mươi kiếp là một kiếp, là trời Phạm phụ . Hoặc sáu mươi này là một kiếp là trời đại Phạm. Hoặc tám mươi kiếp đây là một là kiếp hỏa tai. Số ở trời Thiểu quang bằng tuổi thọ ở đây hai kiếp, hoặc là bảy kiếp hỏa mới là một kiếp thủy tai. Gọi là Cực quang tịnh thiên, hoặc tám kiếp hỏa. Một bảy kiếp thủy tai mới là một kiếp phong tai , gọi là Biến tịnh thiên. Số này cho đến bất khả số là một a-tăng-kỳ. Phàm kinh này nói ba đại a-tăng-kỳ kiếp tu nhân mới đắc quả Phật. Cùng ở kiếp Hiền gồm có mười loại kiếp sai khác. Trong Cổ nhiếp luận hoặc Địa tiền chia ra làm ba. Trong Thập địa, mỗi địa lại chia làm ba. Hợp thành ba mươi ba a-tăng-kỳ kiếp. Từ Thất địa về trước là tiểu. Địa tám, chín, mười là trung. Địa tiền là đại. Tuy có các kiếp này mà lượng khác nhau. Nay nương vào một hội Pháp Hoa của luận, này Phật nói các kiếp phần nhiều nương vào năm loại: Một là ngày, hai là đêm, ba là tháng, bốn là giờ, năm là năm. Nay nương vào vô lượng vô biên bất khả tư nghì a-tăng-kỳ, chẳng phải là các đại kiếp khác. Vì muốn hiển bày vô số đại kiếp của Chư Phật lúc lưu xuất ra ngài Văn-thù thấy rất lớn.

- Kinh: "Bấy giờ có Phật cho đến Phật Thế tôn".

- Huyền tán: Đây khen ngợi danh hiệu Phật ít có. Nhật Nguyệt Đăng Minh là tên riêng. Như lai là tên chung. Nhật là mặt trời có hai công năng: Một là dẫn đường, hai là thành tựu. Nguyệt là mặt trăng có hai công năng: Một là trừ nóng bức, hai là mát mẻ. Đăng là đèn có hai công năng: Một là xua tan bóng tối, hai là truyền ánh sáng. Đây là ý nói Phật dẫn đại chúng từ bờ mê đến bến giác, thành thục căn khí, trừ hết các phiền não nóng bức , được cảnh mát mẻ Niết-bàn. Phá trừ hẳn

ngu si, giáo hóa chúng sanh truyền thừa pháp tạng. Đây là tiêu biểu cho tên riêng ít có.

Luận Du-già quyển tám mươi ba giải thích mười hiệu là:

1. Như lai.
2. Ứng.
3. Chánh đẳng giác.
4. Minh hạnh viên mãn.
5. Thiện thệ.
6. Thế gian giải.
7. Vô thượng trượng phu Điều ngự sĩ.
8. Trời người sư.
9. Phật.
10. Bạc-già-phạm.

Như lai là danh hiệu đầu tổng giới thiệu chín danh hiệu sau. Kinh Niết-bàn chép: Như giảng nói kinh pháp mà quá khứ Chư Phật, sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười một pháp không, cho đến quả Bồ-đề. Cho nên nói là Như lai. Nay Phật Thích-ca, như Chư Phật quá khứ cũng theo các pháp tu sáu Ba-la-mật, quán lý mười một không cho đến quả Bồ-đề, nên nói Như lai. Ở đây tức Báo thân Phật.

Kinh Bát-nhã chép: Như lai là không từ đâu đến cũng không đi về đâu, gọi là Như lai, tức là pháp thân Phật.

Luận Thành Thật chép: Thừa đạo như thật mà lai thành Chánh giác (nương vào đạo như thật mà thành Chánh giác, nên gọi là Như lai: Nghĩa tuy lược mà chẳng phải là tông nghĩa này. Luận nói Ứng chánh đẳng giác, nghĩa là giải thoát hẳn tất cả các chướng hoặc phiền não và chướng sở tri, nên A-la-hán Hán dịch là Ứng.

Thành Duy thức nói: Ứng đã phá trừ hẳn giặc phiền não, ứng không còn phần đoạn sanh tử, ứng thọ diệu cúng dường. Như trước bổn luận đã giải thích kinh có mười lăm nghĩa tức theo Du-già và kinh này. Chỉ lấy nghĩa phá hoại giặc phiền não nên gọi là A-la-hán. Dứt trừ hẳn sở tri chướng thì gọi là Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên trong kinh Du-già nói: A-la-hán là Cộng đức. Chánh đẳng Chánh giác là Bất cộng đức. Xưa dịch là Chánh biến tri, tức là Chánh giác Đẳng giác, Chánh đẳng giác. Như thứ lớp để phân biệt với ba loại: Ngoại đạo, Tiểu thừa, và Bồ-tát.

Minh hạnh viên mãn tức là minh hạnh túc. Minh nghĩa là ba minh.

1. Túc trụ tùy niệm trí minh.

2. Sanh tử trí minh.

3. Lậu tận trí minh.

Hạnh là hạnh Giá, hạnh Hành. Hạnh hành nghĩa là thanh tịnh ba nghiệp hiện hành chánh mạng.

Lại bốn thứ: Tăng thượng, tâm pháp, hiện pháp, lạc trụ là trụ hành. Hai loại này cũng thuộc hạnh Hành. Thầm giữ căn môn là hạnh Già. Hai hạnh này và tam minh đều viên mãn. Do đây mà Như lai hiển bày ra ba bất hộ, không quên mất pháp. Do không tạo lỗi, đắc Tịnh lự thế gian ngăn tu khổ hạnh. Do đây mà không tạo lỗi thì ba nghiệp thanh tịnh. Tức là Tam bất hộ thầm giữ gìn căn môn. Không quên mất pháp mà đắc Tịnh lự thế gian, hiện pháp lạc trụ ngăn tu khổ hạnh. Cho nên nói "Minh hạnh viên mãn".

Thiện Thệ tức là trong đêm dài sanh tử tu đầy đủ tất cả công đức tự lợi, lợi tha. Thệ có nghĩa là đến. Nghĩa là sau khi thành tựu quả Bồ-đề rồi ở trong đêm dài sanh tử có đầy đủ tất cả hai công đức mà khéo đến, đó hành sự giáo hóa nên gọi là Thiện thệ. Thế gian giải là khéo thông suốt tất cả hữu tình và khí thế gian.

Do có túc trụ trí và sanh tử trí mà ngộ nhập tất cả hữu tình thế gian, các bờ mé dựa vào trước có sau, dựa vào tất cả thời, mà có tám muôn bốn ngàn hạnh khác nhau. Tức biết ba cõi chúng sanh tâm hành đều khác nhau, và khéo rõ biết các cõi thế gian vô lượng vô biên mười phương trải qua các kiếp thành hoại. Lại đối với các pháp tự tánh của thế gian, nhân duyên, ái vị, lỗi lầm ra khỏi những nơi đến hành hóa đều khéo rõ biết. Nghĩa là biết được qủa tự tánh và nhân nhân duyên. Đây là câu tổng còn lại bốn câu dùng pháp Tứ đế phối theo mà hiểu.

Vô thượng trượng phu Điều ngự sĩ. Xưa dịch là Vô thượng sĩ Điều ngự Trượng phu. Trí không có gì bằng, nên không có gì vượt qua nên gọi gọi là Vô thượng. Ở trong hiện pháp thân Phật đầy đủ các tướng hảo gọi là đại trượng phu. Lại phần nhiều điều phục chế ngự vô lượng trượng phu là bậc trên hết, tôn quý đệ nhất. Do đây mà để phía sau. Xưa dịch là Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu.

Trời người sư: Vì trời người có thể giải nghĩa pháp sâu xa, siêng tu chánh hạnh nên có năng lực. Các loài khác không có khả năng như thế cho nên không nêu lên làm Sư (Thầy).

Nói Phật tức Phật-đà: Là bậc đã hoàn tất đoạn hết thảy phiền não sở tri, cùng tập khí hiện Đẳng Chánh giác, chứng đắc Vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác tức đầy đủ nhị trí, tự giác và giác tha.

Bạc-già-phạm xưa dịch là Thế tôn, thản nhiên an tọa trên tòa Bồ-

đề nhiệm mầu, nhậm vận diệt trừ hết tất cả ma quân, có thế lực lớn để phá bốn ma, như bài tụng trong Phật địa luận có nói:

Tự tại, xí thạnh và đoan nghiêm
Danh xưng, cát tường và tôn quý
Đầy đủ cả sáu nghĩa như thế
Nên biết tên chung là Bạc-già.

Bạc-già là tiếng Phạm. Phạn là đầy đủ đức. Hoặc có người dùng tiếng Bạc-già là tự có nghĩa có thể phá trừ bốn ma, và phải đầy đủ sáu đức:

1. Là nghĩa tự tại, không lệ thuộc các phiền não.

2. Nghĩa lừng lẫy dùng lửa trí tôi luyện.

3. Nghĩa trang nghiêm ba mươi hai tướng.

4. Nghĩa danh xưng: Thắng danh của Phật chẳng ai không biết.

5. Nghĩa cát tường: Thường khởi phương tiện làm lợi lạc hữu tình.

6. Nghĩa tôn quý: Thế gian, xuất thế gian đều tôn trọng.

Nay nói Thế tôn là thiếu năm nghĩa trước vậy.

- Kinh: "Giảng nói chánh pháp... tướng phạm hạnh".

- Huyền tán: Khen ngợi pháp thắng diệu ít có. Phẩm tám mươi ba nói đầy đủ mười đức.

1. Sơ thiện: Nghĩa là lắng nghe rồi sanh tâm vui mừng.

2. Trung thiện: Lúc tu hành không có ngại khổ, xa lìa hai bên, nương theo trung đạo.

3. Hậu thiện: Rốt ráo tột cùng là xa lìa cấu nhiễm và tất cả sự rốt ráo đều lấy ly dục làm bờ mé sau cùng. Pháp tánh lìa cấu nên người học cũng lìa cấu. Do đó màtu hành rốt ráo, đắc quả lìa cấu cho nên Luận Trí độ chép: Khen ngợi việc bố thí là sơ thiện. Khen ngợi trì giới là Trung thiện. Khen ngợi hai quả báo sanh về cõi trời, cõi Tịnh, gọi là hậu thiện. Lại nói: Thanh văn, Độc giác, Đại thừa là ba thiện. Kinh Bảo tích nói: Biết khổ dứt tập thì gọi là sơ thiện, tu chánh đạo thì gọi trung thiện. chứng diệu gọi là hậu thiện. Đây cũng gọi là sơ, trung, hậu thiện của Thanh văn. Nếu không xả Tâm Bồ-đề, không niệm hạ thừa, hồi hướng Nhất thiết trí thì gọi là Bồ-tát sơ trung hậu thiện. Nay nương theo Du-già làm chánh.

4. Văn khéo. Kinh nói: Lời lẽ khéo mầu. Nghĩa là khéo ràng buộc danh thân v.v... và dùng tám ngữ đều đầy đủ viên mãn.

5. Nghĩa mầu: Kinh nói là nghĩa ấy sâu xa, nghĩa là có thể dẫn phát làm lợi ích an vui.

6. Thuần nhất: Kinh nói: Thuần túy duy nhất không xen lẫn. Nghĩa là không chung với ngoại đạo. Chỉ có Phật pháp.

7. Viên mãn: Kinh nói: Đầy đủ. Vì vô hạn lượng nên thuộc về tối thắng tôn thắng. Nghĩa này dồi dào mà lại thắng diệu. Nên gọi là tròn đầy.

8. Thanh tịnh: Nghĩa là tự tánh giải thoát, cho nên nương vào một sát-na mà giải thoát tự thể. Hoặc là pháp tự tánh giải thoát.

9. Trong sáng: Là giải thoát nối tiếp, nhiều sát-na cũng gọi là giải thoát. Hoặc người học cũng gọi là giải thoát.

10. Phạm hạnh: Là tám chi Thánh đạo , diệt đế gọi là Phạm. Đạo đế gọi là hạnh, làm nhân cho diệt . Đầy đủ bát đạo này gọi là tướng phạm hạnh. Nên biết đạo này do bốn loại diệu tướng. Thuần nhất đó là: Nghĩa thứ sáu, bảy, tám, chín tức là thuần nhất. Không tạp, đầy đủ thanh bạch trong tướng phạm hạnh. Còn lại như văn có thể hiểu. Theo nghĩa như thế phối hợp như thế cũng giống như Tân văn nói vậy.

- Kinh: "Vì cầu Thanh văn... thành Nhất thiết chủng trí."

- Huyền tán: Khen ngợi sanh lợi ích ít có.

- Có Phật ra đời chỉ thuyết một pháp hoặc không nói pháp. Nay nói ba thừa, nên nói là ít có. Ứng là nghĩa hưng khởi, ở chứng, ứng đương cơ, ứng khế lí. Tùy theo căn khí mà nói pháp. Khế ứng với căn pháp tướng nên nói như vậy. Căn tánh chúng sanh có thượng trung hạ. Tổng biết nhân quả tứ đế nhiễm tịnh. Do thấp kém nên gọi là đắc Thanh văn. Tổng biết nhân quả mười hai nhân duyên sanh tử là hơi trội hơn gọi đắc Duyên giác. Có thể hành nhị lợi, tướng chung riêng đều biết, tu lục độ, rốt ráo thành Phật thì gọi là Bồ-tát, sẽ thành tựu chủng trí. Bích-chi-ca Phật-đà, Hán dịch là Độc giác, gọi tắt là Bích-chi-phật.

- Kinh: "Lại có Phật... họ là Phả-la-đọa".

- Huyền tán: Phần thứ hai nói rõ về hậu thắng diệu để đáp. Luận gọi là hiện thấy nhân thắng diệu. Vì Chư Phật, Bồ-tát tự thị hiện ra danh tánh thọ dụng thù thắng nên gọi là thắng diệu. Trong văn có tứ diệu, trong đây thì có hai:

1. Là đồng diệu.

2. Là tánh đồng diệu.

Phả-la-đọa: là một họ trong mười tám họ của Bà-la-môn.

- Kinh: "Di-lặc nên biết... sơ trung hậu thiện".

- Huyền tán: Phần này có hai diệu: Một là đồng hiệu diệu. Hai là pháp đồng diệu. Lược nói có ba thiện mà gồm thâu cả bảy đức.

- Kinh: "Thân tối hậu của Phật... có tám vương tử".

- Huyền tán: Đoạn thứ ba này dựa theo trình bày việc đồng để đáp. Có năm nhân:

1. Nhân thọ dụng đại.
2. Nhân nhiếp lấy Chư Phật, xoay bánh xe.
3. Nhân Như lai pháp luân thiện bền chắc, chân thật.
4. Nhân năng tiến nhập.
5. Nhân nhớ nghĩ.

Ở trong đây có hai: Một phần đầu Phật ở đại đạo tràng nói pháp.

Bốn phần sau là nhân hành hóa sau khi Phật diệt độ.

Nhân thọ dụng: Luận chép: Lúc ấy, vương tử thọ lạc thắng diệu, mỗi vị đều xả bỏ mà đi xuất gia. Lại đại chúng kia lúc ấy chấp nhận không sanh tâm nhàm mỏi. Đây giải thích là nhân thọ dụng. Do đại ý trong văn có hai thọ dụng:

1) Tại gia thọ dục lạc.
2) Xuất gia thọ pháp lạc.

Văn này có bốn:

1. Nói tướng đồng với nay.
2. Tuyên bố diệt khác tức.
3. Thành Phật thọ ký.
4. Thị hiện nhập Niết-bàn. Thị hiện tướng đồng với nay có sáu. Không có phần tựu đầu thành tựu. Sáu pháp còn lại đồng với việc ở phẩm tựa này. Phần thứ nhất giống với phần chúng thành tựu ngày nay. Phần thứ hai nói Nhật Nguyệt Đăng Minh trở xuống đồng với thời thành tựu ngày nay. Đoạn thứ ba thì giống với uy nghi thành tựu ngày nay.

Đoạn thứ tư: Bấy giờ Đức Như lai phóng ánh sáng từ giữa hai đầu chân mày đồng với phần thuyết nhân thành tựu ngày nay.

Đoạn thứ năm: Di-lặc nên biết... Bây giờ trong hội có hai mươi ức Bồ-tát cũng như nay muốn nghe thành tựu.

Đoạn thứ sáu: Có Bồ-tát tên là Diệu Quang, nay là phần đáp thành tựu. Trong phần đồng với chúng thành tựu có hai:

1. Thế tục.
2. Xuất gia.

Ở thế tục có ba:

1. Nêu việc có con.
2- Nêu tám tên gọi.
3. Nói Vua hóa độ.

Đây nói phần đầu: Pháp nhĩ như thế trước phải có con, sau mới xuất gia. Vì hàng phục sự thọ lạc ở thế gian nên thị hiện cho thấy sự

dục lạc không đáng quý, nói lên Đức Phật có đầy đủ các đức của trượng phu.

- Kinh: "Một tên Hữu ý cho đến tám tên là Pháp ý".

- Huyền tán: Đây là lược nêu tám tên chia làm bốn cặp:

1. Cặp Đại trí đại bi .

2. Cặp Liễu hữu liễu không.

3. Cặp Tiến thiện phá ác.

4. Cặp Đạt ngụy biết chân.

- Kinh: "Tám vị vương tử cho đến mỗi vị thống lãnh bốn thiên hạ".

- Huyền tán: Đây là nói vua hóa độ. Không một thế giới nào có hai vị luân vương. Vì sao nay lại nói lược mỗi vị lãnh xuất bốn thiên hạ. Nay giải thích tám người con nối nhau thống lãnh , chẳng phải là cùng lúc.

Nhưng theo nghĩa chung thì vào thời kiếp giảm Phật ra đời, kiếp tăng thì Vua Chuyển luân ra đời. Làm sao vì Phật kia có con mà làm Chuyển luân vương". Đây là ứng với nối tiếp vua chuyển luân làm vua ở bốn châu thiên hạ. Như Phật Thích-ca làm Vua Kim luân , không phải chánh đã thọ ký, kiếp giảm dần. Do đây mà dần tăng lên tám muôn tuổi thì Nhương Khư mới xuất hiện. Đến kiếp thứ mười giảm thì Phật Di-lặc ra đời. Bậc luân vương tuổi thọ lâu dài cho nên gặp Phật Di-lặc. Hoặc Báo thân Phật và Hóa thân Phật khác nhau. Báo Phật chưa hẳn ở kiếp giảm xuất hiện. Có thể làm chuyển luân và có con. Diệu Quang hóa độ tám người con tu hành bền chắc đạo Bồ-đề đắc quả Bát địa. Cho nên biết rằng Báo thân Phật cũng là Bồ-tát. Trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa vì Bồ-tát đã xong, kế vì Thanh văn sau nói pháp hoa. Như Phật Cổ Âm Vương, A-di-đà Phật đều có vợ con.

- Chánh kinh: "Các vương tử... đến... cũng theo vua cha xuất gia".

- Huyền tán: Phần này nói về xuất gia có ba:

1. Hình tướng tùy theo bạn chân thật.

2. Hành xuất trong trần gian.

3. Gặp được duyên lành, tu phước tuệ bền chắc.

Đây nói về phần đầu: Bỏ ngôi vị luân vương như người giàu cởi bỏ giày dép, hướng đến xuất gia như người nghèo gặp của báu,khóang đạt không nương tựa, từ bỏ ràng buộc.

- Kinh: "Phát ý Đại thừa cho đến đều làm Pháp sư".

- Huyền tán: Hành xuất trong cõi trần. Đã phát đại tâm, thường siêng năng giữ giới. Có thể giảng nói diệu lý đều làm Pháp sư. Phát

tâm là trụ định. Phạm hạnh là giữ giới. Pháp sư là bậc đầy đủ trí tuệ Ba Tạng.

- Kinh: "Đã trồng nhiều gốc lành đối với ngàn muôn vị Phật".
- Huyền tán: Được gặp duyên lành, tu phước tuệ bền chắc.
- Kinh: "Lúc ấy Nhật nguyệt cho đến Phật sở hộ niệm".
- Huyền tán: Thứ hai là nói giống thời thành tựu nay.

Hễ nói Pháp hoa thì trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa, nên gọi là thời đến, thị hiện vì Bồ-tát mà nói pháp.

- Kinh: "Nói kinh này rồi cho đến thân tâm bất động".
- Huyền tán: Phần thứ ba là đồng với uy nghi thành tựu ngày nay. Có ba:

1. Phật nhập định.
2. Khí thế gian.
3. Hữu tình thế gian.

Đây nói phần đầu.

- Kinh: "Bấy giờ trời mưa cho đến sáu thứ rung chuyển".
- Huyền tán: Đây là nói về khí thế gian.
- Kinh: Bấy giờ ở trong hội cho đến nhất tâm quán Phật.
- Huyền tán: Là nói về hữu tình thế gian.
- Kinh: "Bấy giờ Như lai cho đến là cõi nước của Chư Phật".
- Huyền tán: Phần thứ tư đồng với nhân nói thành tựu. Có ba:

1. Phát ra ánh sáng.
2. Chiếu cảnh.
3. Chỗ thấy.

Như chỗ thấy ở đây chính là cõi Phật.

- Kinh: "Di-lặc nên biết cho đến thích muốn nghe pháp".
- Tán Thứ năm là thành tựu muốn nghe pháp. Có hai:

1. Thích muốn nghe pháp
2. Muốn biết nhân duyên phát ra ánh sáng.

Đây nói phần đầu:

Hỏi: Vì sao Đức Phật Thích-ca phát ra ánh sáng hiện điềm lành. Bốn chúng sanh nghi, thích nghe pháp, biết nhân duyên Phật phóng ánh sáng. Phật Đăng Minh nói pháp là nói Bồ-tát không giống như ngày nay.

Đáp: Đây là nương vào bổn vị nói chung bốn chúng. Phật kia nói phát tâm đều gọi là Bồ-tát. Lại đây nêu ra hạng thấp kém nên chỉ nói bốn chúng. Kia nêu thắng chúng, cho nên nói là Bồ-tát. Như bài tụng ở dưới nói: "Lúc này bốn bộ chúng... cho đến... vì nhân duyên gì". Do đây

mà biết rõ ràng. Lại trong kinh nói tám người con là chúng thành tựu tức nói người trên hết. Lại kia thật là Bồ-tát. Hóa độ thì nói bốn chúng là báo thân hóa độ. Đây thật là bốn chúng tức hóa thân hóa độ.

- Kinh: "Các Bồ-tát cho đến vì nhân duyên gì".

- Huyền tán: Muốn biết nhân duyên phát ra ánh sáng, suy tìm người đáp.

- Kinh: Bấy giờ có Bồ-tát... tám trăm chúng đệ tử.

- Huyền tán: Thứ sáu đồng với đáp thành tựu ngày nay. Có bốn:

1. Quyến thuộc truyền đăng.

2. Do đó nói ra kinh này.

3. Thời gian dài ngắn.

4. Đại chúng an vui

- Kinh: "Bấy giờ Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cho đến được Phật che chở".

- Huyền tán: Phần hai do đó nói kinh này.

Phật Thích-ca nói kinh Pháp hoa là do ngài Di-lặc hỏi, ngài Văn-thù đáp, Phật Đăng Minh nói pháp hoa là do đại chúng muốn nghe. Diệu Quang đáp lời, cho nên trong bài tụng nói: Phật xuất Tam muội khen Diệu Quang khiến vui mừng tức là. Phật nhân ngài Diệu Quang mà nói kinh Pháp hoa.

Lại Phật Thích-ca nay hóa độ bốn chúng thích nghe Phật. Do ngài Xá-lợi mới nói. Phật Đăng Minh xưa hóa độ Bồ-tát muốn nghe do ngài Diệu Quang mới nói. Nay Phật xuất định ra chính là bảo với Xá-lợi-phất. Trong chúng Thanh văn, tùy theo trí tuệ sâu xa, tương ứng với Phật.

Phật kia xuất định liền bảo với ngài Diệu Quang. Trong chúng Bồ-tát tùy theo trí tuệ sâu xa mà với tương ứng Phật. Đây là Thanh văn, kia là Bồ-tát, mà kinh Diệu Pháp Liên Hoa đó cũng gọi là: "Giáo Bồ-tát pháp được Phật che chở", Danh tự này không khác với kinh Vô Lượng Nghĩa. Nhưng lấy nghĩa thể, lợi ích cho căn cơ đốn và tiệm. Chỗ mong cầu có khác việc hóa thân báo thân cũng khác. Không gọi là Vô Lượng Nghĩa như trước đã có giải thích. Nhưng Phật kia thị hiện hóa độ các Thanh văn cũng không sai. Hoặc nói hóa thân thật sự hóa độ Thanh văn, nói các sự khác cao siêu tức là nói báo thân Phật, cũng không sai vậy.

- Kinh: "Sáu mươi Tiểu kiếp... khoảng thế gian một bữa ăn.

- Huyền tán: Thứ ba là nói thời gian dài ngắn.

Luận giải: Đã dùng ngày tháng làm năm làm kiếp, cho nên gọi

là Tiểu. Không thể riêng sanh phân biệt, chỉ là Phật quán căn cơ thuần thục, thích ứng chúng sanh thời gian dài, chúng ưa thích tình sâu cũng có thể thích nghe lâu, tâm rất ưa thích pháp, nên gọi là như khoảng bữa ăn. Như thế tục xem đánh cờ, hoặc nhấc búa bửa củi liền nát.

- Kinh: "Bấy giờ trong chúng cho đến mà sanh lười biếng".

- Huyền tán: Thứ tư nói về đại chúng an vui. Thọ trì thiền duyệt pháp thực mà sanh an vui. Tận trừ nghiệp buộc thô năng sao có thể sanh ra lười biếng.

Lười biếng cũng có nghĩa mỏi mệt.

- Kinh: "Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh... Vô dư Niết-bàn".

- Huyền tán: Trên đến nay hợp thì hiện đồng với nay. Đây là phần thứ hai, xướng diệt liền khác Chư Phật nhập diệt không giống như người Nhị thừa. Thị hiện đồng như vậy là nói nhập vào cõi Vô dư. Chỗ ứng hóa đã xong, cho nên ttìm cách xướng diệt độ. Sa-môn có nghĩa là Tức (dừng). Vì đã đắc pháp nên tạm dứng yên, cũng gọi là dứt ác. Chánh gọi là Thật-la-ma-noa, hoặc Thật-ma-na-noa, dịch là công lao, nghĩa là việc tu đạo có nhiều công lao. Bà-la-môn có nghĩa là Tịnh hạnh.

- Kinh: "Bấy giờ có Bồ-tát... liền thọ ký."

- Huyền tán: Thứ ba, thành Phật thọ ký. Có hai: Nêu tên là Thọ kí

Cùng làm các điều thiện nên gọi là Đức tạng.

- Kinh: "Bảo chư Tỳ-kheo... Tam Phật-đà."

- Tán Đây là phần thọ ký vậy.

Đa-đà có nghĩa là Như. A-già độ là nghĩa Lai. A-la-ha có nghĩa là ứng. Tam có nghĩa là chánh. Mạo có nghĩa là đẳng.

Lại tam có nghĩa là chánh. Phật-đà có nghĩa là Giác. Tức là Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Trong mười hiệu là ba hiệu đầu.

Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Phật bảo Tỳ-kheo. Chư Phật ra đời ắt có năm việc:

1. Xoay bánh xe.
2. Độ cha mẹ.
3. Người vô tín lập ra tín địa.
4. Chưa phát ý Bồ-tát. Khiến phát
5. Được thọ kí làm Phật tương lai.

Trong đây cũng vậy. Ba hiệu của Phật phần nhiều nương vào ba đức: Đoạn đức, ân đức, trí đức.

- Kinh: Phật thọ ký rồi... nhập vào Vô dư Niết-bàn.

- Huyền tán: Phần thứ tư là thị hiện nhập Niết-bàn. Vì sao nhập

diệt phải giữa đêm. Là ở trong đêm sanh tử chứng đắc vắng lặng, như kinh Niết-bàn nói.

- Kinh: "Sau khi Phật diệt độ... vì người giảng nói."

- Huyền tán: Trên hợp là nhân thọ dụng đại khi Phật tại thế giảng nói, nay trở xuống nói bốn nhân hành hóa sau khi Phật diệt độ, có bốn, đây chính là nhân nhiếp lấy xoay bánh xe của Chư Phật.

Luận chép: Sau khi Phật diệt độ trong vô lượng thời mà thuyết. Giáo hóa khiến cho tâm chúng sanh bền chắc, liền nhập vào Bát địa. Bền chắc nghĩa là lui sụt. Nếu không như thế thì sao ngày nay thành Phật hoặc nhập vào Sơ địa, đắc tín bất hoại nên gọi là bền chắc.

- Kinh: "Chư vương tử... đều thành Phật đạo".

- Huyền tán: Phần thứ tư là nhân năng tiến nhập.

Luận: Các vị vương tử kia đắc quả Đại Bồ-đề. Cúng dường là tu tài pháp, Chư Phật là duyên lành được gặp, cần có duyên lành mới tu sâu diệu hạnh thành quả vị Phật.

- Kinh: "Vị thành Phật cuối cùng tên là Nhiên Đăng."

- Huyền tán: Nhân nhớ nghĩ thứ tư.

Luận chép: vì người nói pháp để cho họ đạt được lợi ích. Văn chia làm hai:

1. Tám vị vương tử thành Phật.

2. Tám trăm đệ tử thành Phật.

Đây nói phần đầu.

Theo lý lẽ ra văn này thuộc phần nhân tiến nhập trước. Nhưng vì riêng nói việc thành Phật, nên là hợp nhập ở đây.

- Kinh: "Tám trăm đệ tử... tên là Cầu Danh."

- Huyền tán: Nói tám trăm đệ tử thành Phật. Có hai:

1. Nhân nhiễm.

2. Nhân Tịnh.

Trong diệu nghiệp không thuần, ngoài tham nhiều tiếng khen, nên gọi là Cầu danh.

Luận: Bồ tát ấy tên Cầu Danh là thị hiện biết rõ quá khứ. Nếu không như thế thành ra khiển trách lỗi người.

- Kinh: "Người này cũng vì... tôn trọng khen ngợi."

- Huyền tán: Đây nói về nhân, tịnh gieo trồng cả phước và tuệ được gặp duyên tốt, tu tập ba nghiệp, cúng dường tài pháp. Thân cung kính ý thì tôn trọng, ngữ thì khen ngợi. Luận chép: Gieo trồng căn lành lại thị hiện đắc đầy đủ pháp vị.

- Kinh: "Di-lặc nên biết... là thân Ngài đó.

- Huyền tán: Trên đáp về việc đồng. Dưới đáp về việc tức xưa là nay. Tự thân đã đặt đến sự nhân. Luận chép: Vì tự thân ngài Văn-thù thọ lạc thắng diệu. Trong đây có hai: Một là người, hai là pháp.

- Kinh: "Nay thấy điềm lành này... Phật sở hộ niệm."

- Huyền tán: Đây là phần đáp tổng kết.

- Kinh: "Bấy giờ ngài Văn-thù-sư-lợi... khiến thể nhập vào trí tuệ Phật."

- Huyền tán: Dưới có bốn mươi ba bài tụng. Tụng phần nêu bày sự riêng xưa tức nay, không tụng hai nhân đầu. Phần tiếp có hai hàng tụng không nhập vào trong lời đáp, phần thứ ba là khuyên chúng cần nên biết, chẳng phải tụng nghĩa trước. Do đây mà lại chia ra làm hai:

1. Bốn mươi bài tụng đầu nêu rõ các sự riêng.

2. Ba bài tụng sau tụng việc xưa tức nay.

Phần Văn xuôi nêu sự riêng có bảy nhân, chia làm ba. Nay không tụng. Tiếp lại nêu nhân thắng diệu của Chư Phật. Cho nên tụng sáu nhân, nhưng chia ra làm hai: Hai hàng tụng đầu tụng về tán dương điều ít có. Ba mươi tám hàng tụng sau tụng về trình bày sự đồng. Trong phần tán dương điều có cũng có bốn: Hai câu đầu tụng thời, hai câu kế tụng danh, một câu tụng pháp, ba câu sau tụng sanh sự lợi ích.

- Kinh: "Lúc Phật chưa xuất gia... Phật muốn nói Pháp Hoa".

- Huyền tán: Ba mươi bài tụng trình bày việc đồng sự, trong đây có năm nhân chia ra làm hai:

Hai mươi chín hàng tụng đầu tụng nhân thọ dụng đại khi Phật tại thế tuyên dương.

Chín hàng sau tụng bốn nhân còn lại, hành hóa sau khi Phật nhập diệt. Trong phần đầu hai mươi chín hàng lại chia làm bốn đoạn:

Hai mươi hàng rưỡi nêu tướng đồng như bây giờ. Bốn hàng kế là tụng xướng diệt liền khác. Hai hàng rưỡi tiếp tụng đương lai, được thọ thành Phật. Hai hàng tụng cuối tụng hiện nhập Niết-bàn.

Trong hai mươi hàng rưỡi tụng đầu lại chia làm sáu:

1. Một hàng chúng thành.

2. Một hàng thời thành.

3. Hai hàng rưỡi tụng uy nghi thành.

4. Mười hàng rưỡi tụng nhân thuyết thành.

5. Một hàng rưỡi tụng muốn nghe thành.

6. Bốn hàng cuối tụng đáp thành.

Đây nói về phần đầu.

Hai câu trên là tụng về thế tục. Hai câu sau là tụng xuất gia.

- Kinh: "Phật nói kinh Đại thừa... mà rộng phân biệt."

- Huyền tán: Tụng thời thành tựu.

- Kinh: "Phật nói kinh này rồi... tên kinh là Vô Lượng Nghĩa."

- Huyền tán: Hai hàng rưỡi tụng. Trong phần oai nghi thành có hai: Một hàng tụng nhập định. Một hàng rưỡi tụng khí thế gian và hữu tình thế gian.

- Kinh: "Trời mưa hoa Mạn-đà... tức thời đại rung chuyển."

- Huyền tán: Tụng khí thế gian và hữu tình thế gian. Trong đây lại có năm: nhập định, mưa hoa, tạo âm nhạc, cúng dường, động địa.

Đây cùng với văn Trường hành trước sau có không rộng lược không đồng.

"Tất cả cõi Phật tức thời có sự rung chuyển lớn!" Cũng chỉ có cõi Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh bị rung chuyển, không phải cả mười phương. Trước đây nói: Mà cõi này sáu phen rung chuyển." Nay ở nước của Phật Đăng Minh tất cả đều rung chuyển. Báo thân hóa thân chẳng phải một nên nói Chư Phật.

- Kinh: "Phật phát ra ánh sáng giữa chặn mày... một muôn tám ngàn cõi Phật."

- Huyền tán: Mười hàng tụng rưỡi nói về nhân thuyết thành tựu. Có ba: Hai câu phát ra ánh sáng. Hai câu chiếu cảnh. Chín hàng tụng rưỡi tụng như chỗ thấy nay là Chư Phật cõi nước. Đây nói hai tụng đầu.

- Kinh: "Từ câu: Bày nghiệp báo sanh tử của tất cả chúng sanh," trở xuống.

- Huyền tán: Chín hàng tụng rưỡi: Như chỗ nay thấy có năm:

1. Nửa hàng tụng đầu tụng chúng sanh sáu đường.
2. Ba hàng tụng thấy Phật.
3. Một hàng tụng nghe pháp.
4. Một hàng tụng thấy bốn chúng.
5. Bốn hàng tụng thấy Bồ-tát, không tụng lúc Phật nhập diệt xây tháp.

Chữ xứ là qủa báo nơi đến, là nơi nghiệp nhân trở về. Hoặc xứ còn gọi là đạo lý. Do nhân thiện mà cảm quả báo thiện. Nhân ác cảm quả, ác là có đạo lý đúng. Hoặc xứ còn gọi là xứ sở là nơi thọ báo thiện ác.

- Kinh: "Có thấy cõi nước Chư Phật... do đây mà Phật phát ra ánh sáng."

- Huyền tán: Ba hàng tụng thấy Phật, chia làm ba:

1. Thấy cõi Tịnh.

2. Thấy cúng dường.

3. Chánh thấy Phật.

Phật Thích-ca phóng ánh sáng đều như sắc vàng. Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thì màu sắc như lưu ly, pha lê. Vì muốn hiển bày giáo pháp Đại thừa thuần nhất nên chỉ có sắc vàng. Các công đức đều đầy đủ nên đủ loại màu sắc, cùng chiếu sáng.

Tiếng Phạm là Phệ lưu ly, dịch lược là lưu ly, có nhiều màu sắc.

Phả-chi-ca, dịch là Thủy tinh. Cũng gọi là thủy ngọc, hoặc gọi là bạch châu, dịch pha lê là sai. Luận Trí độ chép: Lấy ra từ trong hang động núi, qua một ngàn năm tuyết phủ hóa thành pha lê". Ở Tây vực đất khô nóng không có tuyết, sao lại có vật hóa thành pha lê. Đây là chỉ cho một loại đá, nơi nơi đều có.

- Kinh: "Và thấy các trời người... đoan nghiêm thật mầu nhiệm".

- Huyền tán: Trong hai hàng tụng này hàng đầu thấy cúng dường, hàng sau thấy Phật.

- Kinh: "Như trong tịnh lưu ly... giảng nói nghĩa sâu mầu".

- Huyền tán: Đây nói nghe pháp.

Phật phát ra ánh sáng chiếu sáng, hoặc các sắc ánh sáng chiếu Phật. Ở phương này từ xa trông thấy trong suốt như lưu ly hiện ra thân tượng vàng nói pháp.

- Kinh: Mỗi mỗi cõi Phật cõi nước... đều thấy đại chúng kia".

- Huyền tán: Đây nói nhìn thấy bốn chúng.

- Kinh: "Hoặc nhìn thấy chư Tỳ-kheo... nói pháp cầu Phật đạo".

- Huyền tán: Bốn hàng tụng này là thấy Bồ-tát. Các loại nhân duyên, tín giải, tướng mạo, hành Bồ-tát đạo chỉ tụng tín giải và loạn tu hành. Một hàng tụng về cần, giới dục là để nói về tại gia xuất gia đều hành Bồ-tát hạnh. Cho nên nói Tỳ-kheo hoặc xưng là Bồ-tát, tinh tấn sách tấn. Giới là căn bổn của học, nên phải học đầu tiên. Một hàng tụng thí, nhẫn. Nói thí, nhẫn chẳng phải một mà có nhiều loại. Một hàng tụng về thiền định, một hàng tụng về trí tuệ.

- Kinh: "Bấy giờ bốn bộ chúng.... Là vì nhân duyên gì?

- Huyền tán: Một hàng rưỡi tụng phần thứ năm muốn nghe thành tựu. Trong văn văn xuôi nói có hai mươi ức Bồ-tát thích nghe pháp. Đây nói bốn bộ chúng, tức cùng hiện rõ. Trước y theo phát tâm. Đây nói chưa phát tâm.

- Kinh: " Đấng, Trời, Người tôn phụng... chỉ ông chứng biết".

- Huyền tán: Là đáp thành tựu. Văn văn xuôi nói bốn nhân; văn này có hai: Hai hàng tụng này là nói nguyên nhân nói kinh này. Hai

hàng tụng sau là nói thời gian dài ngắn. Lược không có truyền đăng quyến thuộc, đại chúng an vui. Chữ thích là nghĩa gần, mới đầu. Vừa từ định khởi dậy có thể dẫn dắt chúng sanh đến quả vị Bồ-đề. Dùng trí tuệ xuất thế chiếu đạt cả chân tục thì gọi là thế gian nhãn (mắt thế gian).

- Kinh: "Thế tôn đã ngợi khen... đều có thể thọ trì.

- Huyền tán: Nói thời gian dài ngắn.

- Kinh: "Phật nói kinh Pháp Hoa... sẽ vào cõi Niết-bàn.

- Huyền tán: Tụng trên chỉ các sự tương đồng bây giờ, bốn bài tụng dưới là tụng phần hai: Xướng diệt liền khác (dị). Chia làm ba: Hai hàng tụng về xướng diệt. Một hàng tụng khuyên sở hóa. Một hàng tụng về đại chúng bi não. Hóa duyên đã xong, nay liền nói nhập diệt.

- Kinh: "Ông nhất tâm tinh tấn... ức kiếp một lần gặp".

- Huyền tán: Đây khuyên chúng sanh được hóa. Tinh tấn là căn bản của pháp xuất thế. Buông lung là nguồn gốc của sanh tử. Lý cần phải tu đoạn. Huống chi đến ức kiếp mới gặp Chư Phật. Nay đã được gặp, lại không tu đoạn sao? Cho nên trong kinh nói:

- Vui thay! Phật ra đời.

Vui thay! Diễn chánh pháp.

Vui thay! Tăng hòa hợp.

Vui thay! Đồng tiến tu.

- Kinh: "Các con của Phật thảy... Phật sao diệt độ mau".

- Huyền tán: Nói sự bi não của đại chúng.

- Thế gian trở thành trống vắng, chúng sanh hết phước nên sanh bi não.

- Kinh: "Thánh Chủ Pháp Vương... Các ông chớ lo sợ."

- Huyền tán: Hai hàng rưỡi tụng thọ ký đời vị lai sẽ thành Phật. Có hai: Một hàng tụng khuyên chớ lo buồn, vì có Phật đương lai có thể nương vào tu tập. Nói việc đồng nhập diệt là thật thường lạc. Một hàng rưỡi cuối tụng về sự thọ ký.

- Kinh: "Đêm ấy, Phật diệt độ... để cầu đạo vô thượng".

- Huyền tán: Hai hàng tụng thị hiện nhập Niết-bàn hàng đầu hiện nhập Niết bàn. Một hàng sau thấy mất vị thầy thuốc, tinh tấn mộ đạo.

- Kinh: "Trải qua Diệu Quang ấy... nói rộng kinh Pháp Hoa."

- Huyền tán: Hai mươi chín hàng tụng trên là tụng nhân được thọ dụng đại Phật ở tại thế, dưới đây có chín hàng tụng, tụng bốn nhân còn lại nói sự hành hóa sau khi diệt độ. Đây chia làm bốn: Một hàng đầu tụng nhiếp lấy nhân xoay bánh xe của Chư Phật. Một hàng tụng nhân thiện, bền vững xoay bánh xe của Như lai. Một hàng tụng nhân có thể

tiến nhập. Sáu hàng tụng sau là nhân nhớ nghĩ (ghi nhớ).

- Kinh: "Tám vị Vương tử... rõ thấy vô số Phật."

- Huyền tán: Đây là phần thứ hai nói về nhân khéo léo bền vững, chân thật xoay bánh xe của Như lai. Nếu nương vào Tiểu thừa thì ở trong tam vô số kiếp trở về trước gặp các vị Phật: Thắng Quan, Nhiên Đăng, Bảo Kế. Thuở sơ kiếp Thích-ca Mâu-ni gặp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, sau đó gặp bảy muôn năm ngàn vị Phật. Đầu kiếp thứ hai gặp Phật Bảo Kế, lại gặp bảy muôn sáu ngàn vị Phật. Đầu kiếp thứ ba gặp Phật Nhiên Đăng, lại gặp bảy muôn bảy ngàn vị Phật. Kiếp thứ ba tu đủ một trăm kiếp tu hạnh nghiệp tướng hảo. Đầu tiên gặp Phật Thắng Quan, tức là Phật Tỳ-bà-thi. Do quỳ xuống chân Phật khen ngợi mà vượt qua chín kiếp. Cho nên trong kinh thường nói chín mươi mốt kiếp thuở quá khứ có Phật Tỳ-bà-thi. Nếu nương vào Đại thừa, thì phần thứ tư nương vào sự cúng dường Bồ-tát, tám hằng hà sa Chư Phật, nay mới hiểu nghĩa mười sáu phần của Niết-bàn, xưa nay đều nói ở trong Thập Địa. Nay cũng chưa nhất định chỉ nói tám hằng hà sa, hà tất phải là địa thứ mười. Ngài Chân-đế giải thích:

- Kiếp đầu gặp năm hằng sa Phật. Kiếp thứ hai gặp sáu hằng. Kiếp thứ ba gặp bảy hằng hà sa Chư Phật. Cho nên nay nói là đắc nhập vào Bát địa, vẫn nói thấy vô số Chư Phật.

- Kinh: "Cúng dường Chư Phật rồi.... việc thứ lớp thọ ký."

- Huyền tán: Đây là phần thứ ba nói nhân năng tiến nhập, sau đó thành tựu quả Phật.

- Kinh: "Đức Phật cuối sau hết... độ thoát vô lượng chúng."

- Huyền tán: Đây có sáu hàng tụng về nhân nhớ nghĩ. Đây chia làm hai:

Một hàng tụng nhớ về tám vị Vương tử, năm hàng tụng sau là nhớ về tám trăm đệ tử.

- Kinh: "Là Diệu Quang Pháp Sư .... gọi tên là Cầu danh."

- Huyền tán: Hai hàng rưỡi đầu là tụng về nhân ức nhiễm. Hai hàng rưỡi sau là tụng nhân ức tịnh. Đây nói phần đầu, trong năm hàng nhớ tám trăm đệ tử.

- Quí trọng tánh tộc, cho là tôn quý, yêu thích sự lợi dưỡng cho đó là điều trước tiên. Sự tu tập phần nhiều phế bỏ nên gọi là Cầu Danh.

Đầy đủ sáu lỗi như trong văn có thể biết. Giải là mỏi mệt, lạn là lười biếng, mạn là đọa. Thứ hai tham đắm đã được. Thứ ba là cầu lợi danh chưa được. Tộc nghĩa là loại. Thời Chu Lễ thì bốn lữ là tộc. Trịnh thì gọi trăm nhà là tộc.

- Kinh: "Cũng làm các nghiệp thiện cho đến số không có hạn lượng."

- Huyền tán: Tụng nhân tịnh có hai: Năm câu đầu là nhớ năm nhân tịnh, năm câu sau là nhớ hai quả tịnh.

- Kinh: "Đức Phật kia diệt độ cho đến nay thời chính là Ta."

- Huyền tán: Bốn mươi bài tụng trên là tụng nêu bày việc riêng. Ba hàng tụng dưới là tụng xưa tức nay có ba: Một hàng đầu tụng về người. Hàng kế tụng về pháp. Hàng sau tụng về kết thành.

- Kinh: "Ta thấy Phật Đăng Minh cho đến muốn nói kinh Pháp Hoa."

- Huyền tán: Đây tức là pháp.

- Kinh: Tướng nay như điềm xưa cho đến giúp bày nghĩa Thật tướng."

- Huyền tán: Đây là phần kết thành. Phật phát ra ánh sáng để cảnh tỉnh người có duyên tu tập. Đại chúng thấy điềm lành này càng sanh lòng khát ngưỡng, Phật khởi lên thần thông ở đây là nói lên pháp này không dối. Hiển bày sự tu chứng sâu kín nên gọi là phát ra ánh sáng trợ giúp nghĩa thật tướng.

- Kinh: "Các người nay nên biết cho đến đầy đủ người cầu đạo."

- Huyền tán: Bốn mươi ba bài tụng trên là tụng lại phần văn xuôi. Hai bài tụng dưới là phần thứ ba trong đại văn khuyên chúng nên biết, Phật nói pháp hôm nay là có hai: Một hàng tụng nêu Phật nói mưa pháp phát sanh mầm đạo khiến tinh tấn tu thiện. Hàng tụng sau nêu Phật nói pháp khiến cho người cầu đạo nghi hoặc đều trừ diệt, đoạn hết điều ác.

- Kinh: "Các người cầu ba thừa cho đến khiến hết không còn sót".

- Huyền tán: Đây là dứt nghi. Hai hàng tụng này kết thúc Phật tuôn mưa pháp lớn, nói pháp lớn.

Viết xong, vào Mùng 4 Tháng 4 Niên hiệu Bảo An năm thứ ba ngày

Tăng Giác Ấn tại chùa Pháp Long.

- Di điểm xong (sửa) vào Ngày 2 Tháng 10 đồng năm tại Chùa

Hưng Phước.

- Tăng Giác Ấn ở chùa Pháp Long vì muốn chánh pháp trụ lâu mà làm tả điểm, có thể lấy đây làm kim chỉ nam v.v....

■